

TUẦN 28:**Thứ Hai ngày 30 tháng 03 năm 2026****Hoạt động trải nghiệm:****SINH HOẠT DƯỚI CỜ:****TỌA ĐÀM “CHỌN NGHỀ- ĐƯỜNG ĐẾN THÀNH CÔNG”****Tiếng Việt:****ĐỌC: NGHÌN NĂM VĂN HIẾN****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Đọc đúng văn bản thông tin “Nghìn năm văn hiến có bảng biểu.
- Đọc hiểu: Nhận biết được thông tin trong bài. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Văn Miếu – Quốc Tử Giám như một chứng tích cho hàng nghìn năm văn hiến của nước ta được hình thành: ghi chép lại, thống kê lại qua các triều đại, năm tháng, số lượng. Khoa cử của Việt Nam có truyền thống là nền khoa cử trọng hiền tài, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu cần phải chú trọng. Hiểu được Nước ta có truyền thống hiếu học và nền văn hiến lâu đời. Hiểu và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
1. Giới thiệu về chủ điểm. - GV giới thiệu bức tranh chủ điểm và nêu câu hỏi: + Bức tranh vẽ những gì? - GV nhận xét và chốt: Ở chủ điểm <i>Tiếp bước cha ông</i> , các bài đọc nói về những truyền thống tốt đẹp được thế hệ trước truyền cho thế hệ sau, thế hệ sau tiếp bước thế hệ cha ông đi trước. Đó là truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bảo vệ chủ quyền của dân tộc. Chủ điểm giúp các em cảm nhận đất nước Việt Nam ngày một đổi thay, phát triển,...	- HS quan sát bức tranh chủ điểm, làm việc chung cả lớp. - HS lắng nghe.
2. Khởi động	- HS chia sẻ.

- GV cho Chia sẻ những điều em biết về di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám ở Thủ đô Hà Nội.



Di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám ở Thủ đô Hà Nội là quần thể di tích đa dạng, phong phú gắn với kinh thành Thăng Long xưa. Trong đó Văn Miếu gồm: hồ Văn, khu Văn Miếu – Quốc Tử Giám và vườn Giám. Tại đây là nơi thờ Khổng Tử và là trường đại học đầu tiên của Việt Nam. Văn Miếu được xây dựng tường gạch bao quanh, chia thành nhiều lớp không gian. Từ ngoài vào trong có lần lượt các cổng: cổng Văn Miếu, Đại Trung, Khuê Văn Các, Đại Thành và cổng Thái Học. Hiện nay Văn Miếu – Quốc Tử Giám là nơi tham quan, cầu may, nơi khen tặng và tổ chức hoạt động trường học cho học sinh xuất sắc, tổ chức hội thơ hàng năm vào rằm tháng giêng.

- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.

2. Khám phá.

2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.

- GV đọc mẫu lần 1: GV đọc toàn bài, giọng đọc thể hiện tình cảm trân trọng, tự hào; đọc rõ ràng, rành mạch

- GV HD đọc: giọng đọc thể hiện tình cảm trân trọng, tự hào; đọc rõ ràng, rành mạch.

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

+ Đọc các tiếng dễ phát âm sai, VD: *ngôi trường, Thiên Quang, hàng muồm giã,...*

+ Đọc bảng thống kê theo trình tự cột ngang, như sau:

Triều đại/ Lý/ Số khoa thi/ 6/ Số tiến sĩ/ 11/ Số trạng nguyên/ 0/

Triều đại/ Trần/ Số khoa thi/ 14/ Số tiến sĩ/ 51/ Số trạng nguyên/ 9/

...

Tổng cộng/ Số khoa thi/ 185/ Số tiến sĩ/ 2896/ Số trạng nguyên/ 47/

+ HS luyện đọc trong nhóm, đọc nối tiếp 3 đoạn.

• Đoạn 1: Từ đầu đến *cũng được học ở đây.*

• Đoạn 2: Bảng thống kê.

• Đoạn 3: Phần còn lại.

+ HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp. GV lưu ý cho nhiều HS được đọc bảng thống kê.

- Hs lắng nghe GV đọc.

- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.

- 1 HS đọc toàn bài.

- HS quan sát và đánh dấu các đoạn.

- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- HS đọc từ khó.

- 2-3 HS đọc câu.

- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.

+ HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt. + 1 – 2 HS đọc cả bài trước lớp. – GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.	- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
3. Luyện tập.	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có). + Văn hiến: truyền thống văn hóa lâu đời và tốt đẹp. + Văn Miếu: nơi thờ Khổng tử và những người có công mở mang giáo dục thời xưa. Quốc Tử Giám: trường Nho học cao cấp thời xưa, đặt ở khu vực Văn Miếu. - Tiến sĩ: ở đây chỉ người đỗ trong kì thi quốc gia về Nho học ngày xưa. + Chứng tích: vết tích hoặc hiện vật còn lưu lại làm chứng cho một sự việc đã qua. - Gv có thể giải thích thêm: Văn Miếu Thăng Long nay là Văn Miếu – Quốc Tử Giám là quần thể di tích lịch sử- văn hóa ở Thủ đô Hà Nội.	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: <i>Vị vua nào đã cho xây dựng Văn Miếu Thăng Long? Công trình đó được xây dựng vào năm nào?</i> + Câu 2: <i>Ở Văn Miếu Th ăng Long, vua còn cho xây Quốc Tử Giám để làm gì?</i> + Câu 3: <i>Bảng thống kê cho biết những thông tin gì về các khoa thi từ năm 1075 đến năm</i>	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: + Vua Lý Th ánh Tông là người đã cho xây dựng Văn Miếu Th ăng Long. + Công trình đó được xây dựng vào năm 1070. + Vua còn cho xây Quốc Tử Giám để làm nơi dạy học cho các hoàng tử và con em quý tộc. Về sau học trò giỏi là con em dân thường cũng được học ở đây. + Bảng thống kê cho biết các thông tin: những triều đại có tổ chức khoa

1919? Triều đại nào tổ chức nhiều khoa thi nhất và có nhiều tiến sĩ nhất? + Câu 4: <i>Tìm những chi tiết trong bài cho biết ông cha ta luôn coi trọng việc đào tạo nhân tài.</i> <i>Câu 5: Bài đọc giúp em hiểu điều gì về truyền thống khoa cử của Việt Nam?</i> - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. - GV nhận xét và chốt: <i>Văn Miếu – Quốc Tử Giám như một chứng tích cho hàng nghìn năm văn hiến của nước ta được hình thành: ghi chép lại, thống kê lại qua các triều đại, năm tháng, số lượng. Khoa cử của Việt Nam có truyền thống là nền khoa cử trọng hiền tài, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu cần phải chú trọng.</i>	thi; số khoa thi, số tiến sĩ, số trạng nguyên của mỗi triều đại. + Triều đại Lê tổ chức nhiều khoa thi nhất với 104 khoa thi và có nhiều tiến sĩ nhất với 1 780 tiến sĩ. + Sau khi xây Văn Miếu, vua cho xây Quốc Tử Giám làm chỗ dạy học cho các hoàng tử và con em quý tộc, về sau học trò giỏi là con em dân thường cũng được học ở đây. + Từ năm 1075 đã mở khoa thi tiến sĩ, ngót 10 thế kỉ đã tổ chức được 185 khoa thi, lấy đỗ gần 3 000 tiến sĩ. + Cho dựng bia tiến sĩ để khắc tên tuổi của 1 306 vị tiến sĩ. + Việc lựa chọn người tài được tổ chức thông qua thi cử. + Các khoa thi tiến sĩ đã được tổ chức từ rất sớm, 82 tấm bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám là chứng tích cho truyền thống này. + Dựa vào chi tiết học trò giỏi là con em dân thường cũng được vào học ở Quốc Tử Giám (Văn Miếu Th ăng Long), ta thấy con em dân thường cũng được tham gia thi cử (có thể nêu những vị trạng nguyên có xuất thân từ gia đình bình thường, thậm chí còn là con em của những gia đình nghèo như Trạng nguyên Nguyễn Hiền, Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi,...).
4. Vận dụng trải nghiệm - GV yêu cầu HS đọc lại bài và nêu suy nghĩ cá nhân của mình sau khi học xong bài “ Văn Miếu Quốc Tử Giám” - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Tiếng Việt:**LUYỆN TỪ VÀ CÂU:
LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ VÀ KẾT TỪ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Ôn tập về Đại từ và kết từ.,.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
 - Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV yêu cầu hs nhắc lại thế nào là đại từ và kết từ. - GV dẫn dắt vào bài mới.	+ HS trả lời theo suy nghĩ - HS lắng nghe.
2. Luyện tập.	
<u>Bài 1:</u> Tìm đại từ nghi vấn trong các câu đố dưới đây và giải câu đố. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung: - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2 - GV mời các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét kết luận và tuyên dương. GV liên hệ và mở rộng - Nói thêm về anh hùng Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng. - Nói thêm về Lang Liêu, sự tích bánh chưng, bánh giầy.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu. - Các nhóm trình bày - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Câu a: đại từ nghi vấn là “ai”. Giải đố: là Ngô Quyền. - Câu b: đại từ nghi vấn là “gì”. Giải đố: là bánh chưng - 1 HS đọc đoạn 1 của bài “Thanh âm của gió”. Cả lớp lắng nghe. - HS chơi theo nhóm. Thực hiện các vòng thi theo hướng dẫn của giáo viên.

- Cùng cố thêm về chủ điểm *Tiếp bước cha ông* khi nhắc về truyền thống dựng xây và bảo vệ Tổ quốc của các Vua Hùng và Lang Liêu
Chỉ ra cho HS thấy đại từ nghi vấn “ai” dùng để hỏi cho người (Ngô Quyền) và đại từ nghi vấn “gi” dùng để hỏi cho vật, sự vật (bánh chưng).

Bài 2. Chọn từ (*đây, kia, này*) thay thế cho từ ngữ được in đậm trong đoạn văn.

- HS xác định yêu cầu của bài tập.
- GV cho HS nhắc lại về đại từ thay thế: dùng để thay thế (*thế, vậy, đó, này....*)
- GV phát phiếu bài tập để HS điền đại từ thay thế.

Cầu Long Biên bắc qua sông Hồng nối quận Ba Đình và quận Hoàn Kiếm với quận Long Biên của Hà Nội. Nhìn từ xa, cây cầu **Long Biên** trông như một con rồng sắt khổng lồ. **Cầu Long Biên** là cây cầu duy nhất của Thủ đô có các phương tiện di chuyển theo hướng tay trái.

- Đại diện một số HS trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

+ cây cầu **Long Biên** trông như ... → cây cầu **này** trông như ...

+ **Cầu Long Biên** là cây cầu ... → **Đây** là cây cầu ... – GV hỏi về tác dụng của đại từ thay thế trong đoạn văn HS vừa hoàn thiện.

GV liên hệ

Tác dụng của việc thay thế từ ngữ trong đoạn văn trên: làm cho đoạn văn mạch lạc hơn, hay hơn, tránh lặp từ ngữ).

Bài 3. Chọn kết từ (*mà, cho, như, tuy ... nhưng ...*) thay cho bông hoa.

- HS xác định yêu cầu của bài tập.
- GV cho HS nhắc lại kiến thức về kết từ.
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi tiếp sức.
- + GV chia làm 2 đội chơi (mỗi đội 4 HS).
- + GV chuẩn bị thẻ từ là các kết từ (*mà, cho, như, tuy ... nhưng ...*) chia cho 2 đội chơi.
- + Thời gian: 3 phút cả 2 đội thực hiện tìm kết từ ở các thẻ từ được phát thay cho các bông hoa trên bảng phụ mà GV dán trên bảng.
- + GV làm mẫu 1 VD.
- + HS tham gia chơi và thực hiện bài tập.

-Xác định được yêu cầu của bài tập.

- Nhắc lại được kiến thức về đại từ thay thế.

- Làm việc cá nhân trên phiếu bài tập.
- Tìm được đại từ thay thế.
- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

- Xác định được yêu cầu của bài tập.

- Lắng nghe, tham gia trò chơi.

+ Hết thời gian đại diện hai nhóm trình bày, GV và HS nhận xét và thống nhất đáp án. a, Con người có tổ, có tông Như cây có cội, như sông có nguồn. b, Bầu ơi thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn. c, Lời nói chẳng mất tiền mua Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. d, Công cha như núi ngất trời Nghĩa mẹ như nước ngào ngào Biển Đông Bài 4: <i>Viết đoạn văn (3 – 5 câu) giới thiệu về một vị anh hùng dân tộc, trong đó có sử dụng đại từ và kết từ.</i> - HS xác định yêu cầu của bài tập. - GV cho HS lựa chọn một vị anh hùng dân tộc để giới thiệu, chú ý nhắc HS nhớ về một số vị anh hùng dân tộc đã được học trong chương trình. - GV làm mẫu (một đoạn văn, 3 – 5 câu) giới thiệu về một vị anh hùng dân tộc và có sử dụng đại từ, kết từ. - HS làm việc cá nhân trong thời gian quy định. - 3, 4 hs trình bày. - Gv nhận xét khen những HS có những câu văn sử dụng tốt và đúng kết từ và đại từ	- Xác định được yêu cầu - Theo dõi, lắng nghe - Hs viết - Hs trình bày - Lắng nghe
4. Vận dụng trải nghiệm. - Chia sẻ với bạn những điều em ấn tượng về vị anh hùng dân tộc đã viết trong bài giới thiệu và nói lên cảm nghĩ của em. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

VẬN TỐC CỦA MỘT CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh biết khái niệm ban đầu về vận tốc, 1 số đơn vị đo vận tốc.

- Học sinh tính được vận tốc của 1 chuyển động đều và vận dụng để giải quyết 1 số tình huống thực tế.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: giao tiếp, tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...

- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi Rung chuông vàng để khởi động bài học. Chọn đáp án đúng Câu 1: 1) $12 \text{ giờ } 25 \text{ phút} + 4 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = ?$ a. 16 giờ 40 giây b. 16 giờ 35 phút c. 16 giờ 40 phút d. 16 giờ 35 giây Câu 2: 2) $34 \text{ phút } 58 \text{ giây} - 14 \text{ phút } 23 \text{ giây} = ?$ a. 19 phút 55 giây b. 20 phút 35 giây c. 20 phút 30 giây d. 19 phút 30 giây Câu 3:  Xếp theo thứ tự tên sự vật chạy từ nhanh đến chậm? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới <i>Dựa vào đâu mà ta biết rùa chạy chậm hơn con người, con người chạy chậm hơn ô tô. Bài học hôm nay cô sẽ giúp các em giải đáp những thắc mắc đó nhé. Bài 59: Vận tốc của một chuyển động đều.</i>	- HS tham gia trò chơi bằng bc - HS lắng nghe. 1c- 2b Rùa- người- ô tô
2. Khám phá: - GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống:

Chuột túi (Kangaroo) có thể vừa chạy vừa nhảy được 70 m trong 5 giây. Chim én có thể bay được 210 km trong 2 giờ. - GV yêu cầu hs thảo luận nhóm 4 để trả lời: + Học sinh tìm cách tính quãng đường trung bình mỗi giờ chim én bay được, quãng đường trung bình mỗi giờ chuột túi chạy được. - GV giải thích: Ta nói vận tốc trung bình hay nói ngắn gọn là vận tốc của chim én là 105 ki lô mét trên giờ viết tắt là 105 km/h. Vận tốc của chuột túi là 14 mét trên giây viết tắt là 14m/s. + Muốn tính vận tốc của chuyển động ta làm như thế nào? - Gv gọi các nhóm chia sẻ, nhận xét và rút ra kết luận. KL: Muốn tính vận tốc ta lấy quãng đường chia cho thời gian. Gọi vận tốc là v, quãng đường là s, thời gian là t, ta có: $v = s : t$	- HS thảo luận nhóm 4 trả lời + Quãng đường trung bình mỗi giờ chim én bay được là: $210 : 2 = 105 \text{ (km)}$ + Trung bình mỗi giây chuột túi chạy được là: $70 : 5 = 14 \text{ (m)}$ - HS lắng nghe - Muốn tính vận tốc ta lấy quãng đường chia cho thời gian. - Các nhóm nhận xét - HS lắng nghe và nhắc lại ghi nhớ
---	---

2. Hoạt động

Các em đã biết cách tìm vận tốc của một chuyển động đều. Chúng ta hãy cùng vận dụng nó vào các tình huống thực tế qua phần luyện tập nhé.

Bài 1: Trên đường cao tốc một ô tô đi quãng đường 180 ki lô mét trong vòng 2 giờ. Tính vận tốc của ô tô đó theo đơn vị km/h.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc nhóm đôi.

- Các nhóm trình bày kết quả
- Các nhóm nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét, tuyên dương
- GV: Muốn tính vận tốc ta làm như thế nào?

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc nhóm đôi:

Bài giải
Vận tốc của ô tô đó là:
 $180 : 2 = 90 \text{ (km/h)}$

- Đáp số: 90km/h
- Các nhóm báo cáo kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)
- HS trả lời

Bài 2: Trong 1 phút 40 giây người đi xe đạp đi được đoạn đường 500 mét. Tính vận tốc của người đi xe đạp đó (theo đơn vị m/s.) - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Đề tính vận tốc của người đi xe đạp ta làm như thế nào? - Ta có thể lấy 500: 1 phút 40 giây được không? - GV gọi HS nhận xét - Gv yêu cầu hs làm bài 2 vào vở 2 hs làm bảng phụ - Nhận xét bài trên bảng - HS chấm chéo - Gv chấm 1 số bài và nhận xét.	- HS đọc đề - Muốn tính vận tốc của người đi xe đạp ta lấy quãng đường chia cho thời gian. - HS tl Không vì chưa cùng đơn vị đo. Chúng ta phải đổi 1 phút 40 giây = 100 giây - HS làm bài vào vở sau đó đổi vở chấm chéo - HS nhận xét - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
4. Vận dụng trải nghiệm. - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. - Cách chơi: Mỗi học sinh được phát 1 thẻ từ có ghi các dữ liệu + $s = 20\text{km}$, $t = 2\text{h}$, $v = 10\text{ km/h}$ + $s = 67,5\text{ km}$, $t = 1,5$, $v = 45\text{km/h}$ + - Trong 1 phút các bạn cầm thẻ từ sẽ tự ghép nhóm để tạo thành phép tính đúng. Những nhóm ghép nhanh là nhóm thắng cuộc. - GV tổ chức trò chơi. - Đánh giá tổng kết trò chơi. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe trò chơi. - Các nhóm lắng nghe luật chơi. - Các nhóm tham gia chơi. - Các nhóm rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

BUỔI CHIỀU:

Khoa học:

BÀI 26: PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp, hợp tác;...

- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

- **Phát triển năng lực số:**

Giáo viên: Đàm Thị Ngân

Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám

5.3.CB2.a.Phân biệt được các

cách đơn giản để tránh các nguy cơ về sức khỏe và các mối đe dọa đối với sức khỏe thể chất và tinh thần khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số.

5.3.CB2.b.Lựa chọn được những cách đơn giản để bảo vệ bản thân khỏi những nguy hiểm có thể xảy ra trong môi trường kỹ thuật số.

5.3.CB2.a.Giải thích các cách thức được xác định rõ ràng và thường xuyên để làm thế nào để tránh các mối nguy hiểm về sức khỏe và các mối đe dọa đối với sức khỏe thể chất và tâm lý khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số.

5.3.CB2.b. Lựa chọn các cách thường xuyên và được xác định rõ ràng để bảo vệ bản thân khỏi những nguy hiểm trong môi trường kỹ thuật số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	
-GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi: “Tìm đường an toàn về nhà.” - Phổ biến luật chơi để về nhà an toàn, các đội cần phải vượt qua 3 trạm.Mỗi câu hỏi tương ứng với một trạm đội trả lời đúng và nhanh được tiến 2 bước; trả lời đúng tiến một bước; trả lời sai đứng tại chỗ. <i>Câu 1:</i> Khi có cảm giác an toàn chúng ta thường cảm thấy thế nào? A. Cảm thấy vui vẻ , thoải mái, không sợ hãi.. B. Lo lắng, tức giận, sợ hãi <i>Câu 2:</i> Hiến pháp Việt Nam quy định: Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe....Thuộc điều: A. 20,37 Hiến pháp Việt Nam 3013 B. 21,27 Hiến pháp Việt Nam 3013 <i>Câu 3:</i> Khi có người làm ra vẻ vô tình đụng chạm vào cơ thể hoặc các bộ phận kín của bạn, bạn nên: A.Mặc kệ bỏ qua B. Nhìn thẳng vào kẻ đó và nói to hoặc hét lên một cách kiên quyết: không được, dừng lại , có thể kêu cứu nếu cần thiết.	- Hs chơi trò chơi“Tìm đường an toàn về nhà.” + Đáp án A. + Đáp án A. + Đáp án B.

- Nhận xét , dẫn dắt vào bài: Trong những tình huống không an toàn có thể dẫn đến nguy cơ bị xâm hại tình dục. Đó là những tình huống nào chúng ta tìm hiểu ở tiết 2 của bài hôm nay.

2. Hoạt động khám phá:

Hoạt động khám phá 1: Xác định được những tình huống có nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục .

- GV yêu cầu hs làm việc cặp đôi, quan sát kỹ nội dung từng hình từ 5-8 trong SGK. Và cho biết:

+ Những nguy cơ nào có thể dẫn đến bị xâm hại tình dục. Vì sao?

- Tổ chức cho học sinh chia sẻ trước lớp.



- Yêu cầu học sinh bổ sung thêm những nguy cơ có thể dẫn đến bị xâm hại tình dục?

- Gv nhận xét, bổ sung, nhắc học sinh không ở một mình nơi vắng vẻ với “người lạ” người khác giới. Vì rất dễ bị xâm hại đặc biệt là xâm hại tình dục. Các em cần làm gì khi có nguy cơ bị xâm hại tình dục chúng ta chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Hoạt động khám phá 2: Những việc làm để phòng tránh và ứng phó có nguy cơ bị xâm hại tình dục.

- Hs thảo luận theo cặp

- Đại diện trình bày:

+ Hình 5: Bạn ở nhà một mình, nếu bạn cho chú vào nhà mượn đồ, bạn có thể bất an, lo lắng từ khi chú vào nhà đến khi chú ra khỏi nhà. Trường hợp xấu hơn có thể bị xâm hại thân thể như đánh đập, tình dục...

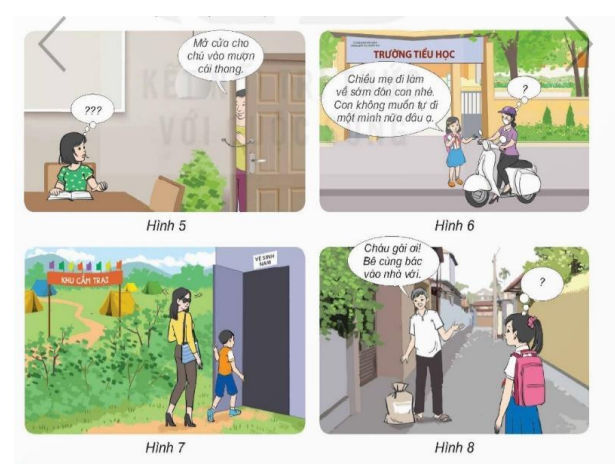
+ Hình 6: Bạn đã từng đi về nhà một mình và đã bày tỏ với mẹ không muốn như vậy. Điều này cho thấy sự lo lắng, bất an và không muốn điều đó lặp lại. Có thể trên đường về nhà, bạn đã từng gặp những tình huống không an toàn. Nên dù chưa có tình huống nào xảy ra nhưng bạn cảm thấy không an toàn khi đi một mình...

+ Hình 7: Bạn đi tham quan cắm trại ở nơi hoang vu vắng vẻ, không có người. Bạn đi vào nhà vệ sinh một mình mà có người lạ với thái độ không thân thiện, rất khả nghi đi theo sau bạn, bạn có thể bị bắt cóc, đe dọa , đánh đập..

+ Hình 8: Xung quanh không có người nào, nếu bạn bê đồ vào nhà cùng bác trai sẽ không ai biết bạn vào nhà bác.

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm từ những tình huống ở hình 5 đến hình 8.

+ Nêu những việc làm để phòng tránh, ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại tình dục?



- GV khen ngợi, khích lệ các nhóm học sinh đã sáng tạo khi nêu được những việc làm phù hợp để phòng tránh, ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại tình dục.

Nếu bạn bê đồ vào trong nhà cùng bác thì chỉ có một mình bạn với bác trai không phải là người ruột thịt.

+ Ăn mặc hở hang, tiếp xúc quá thân mật với người khác giới không phải là người thân ruột thịt.....

- HS hoạt động nhóm

- Đại diện nhóm trình bày: Học sinh chia sẻ cùng nhau nêu được một số việc ở mỗi tình huống như:

+ Hình 5: Khi ở nhà một mình không cho người lạ vào nhà với bất kỳ lý do gì ;trong một số trường hợp cần hỏi ý kiến bố mẹ trước khi cho người lạ vào nhà...

+ Hình 6 : Không đi một mình từ nhà đến trường và từ trường về nhà đi cùng nhóm bạn hoặc sử dụng phương tiện đưa đón của nhà trường. Nói với bố mẹ nhờ người tin cậy đưa đón...

+Hình 7: Không đi một mình ở nơi vắng vẻ, không có người.Khi đến nơi lạ cần đi theo nhóm bạn...

+Hình 8: Không vào nhà hàng xóm mà chưa xin phép/ thông báo trước với bố mẹ, người thân, không ở một mình với người lạ; cần quan sát xung quanh và nhờ người giúp đỡ nói bác trai chờ một chút để thông báo với bố mẹ, người thân trước khi bê đồ cùng bác vào nhà...

3. Hoạt động luyện tập.

- **Phát triển năng lực số:** Tìm kiếm sự giúp đỡ từ người thân, bạn bè, thầy cô hoặc các cơ quan khi có nguy cơ bị xâm hại, tham khảo trên mạng cách chống đối với kẻ xâm hại để bảo vệ bản thân.

- Yêu cầu HS nêu những tình huống có nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục mà em biết.

- Hs chia sẻ cá nhân

+ Không đi một mình ở nơi tối tăm, vắng vẻ. Không ở trong phòng một mình với người lạ. Không

- GV ghi lại những tình huống có nguy cơ. GV viên có thể chia sẻ thêm(Những tình huống thực tế hàng ngày có thể diễn ra) - Yêu cầu học sinh lựa chọn tình huống ở hoạt động 1 đóng vai theo nhóm. - Nhận xét, tuyên dương, dặn dò học sinh nhận diện một số nguy cơ và cách phòng tránh bị xâm hại.	nhận được tiền, quà có giá trị hoặc sự chăm sóc đặc biệt của người khác mà không rõ lý do... - Hs đóng vai theo nhóm thể hiện sự ứng phó của mình để đảm bảo an toàn .
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV mời HS chia sẻ những tình huống có nguy cơ bị xâm hại tình dục, cách ứng phó có thể xảy ra khi đi học, đi chơi hoặc ở nhà. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ + Ở nhà: Khi ở nhà một mình, không cho người lạ vào nhà... + Ở trường: Không cho bạn chạm vào vùng bikini... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm:

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:

TỰ HÀO VỀ CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN CỦA QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS nhận biết được vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên địa phương.
- Thể hiện được cảm xúc và niềm tự hào của mình với các cảnh quan thiên nhiên đó.
- Rèn luyện và phát triển kỹ năng nghe – nói góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ HỌC LIỆU.

- GV chuẩn bị:
- + Tranh ảnh về các hoạt động xã hội với các nội dung và hình thức khác nhau.
- + Đoạn phim ngắn về các hoạt động xã hội.

+ Giấy A3, bút màu,...

- HS:

+ Một số tư liệu về các hoạt động xã hội

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động.	
Hoạt động 1: Tung bóng. - GV tổ chức Chơi đồ vui “<i>Đây là đâu?</i>” - GV hướng dẫn cách chơi: + Một vài HS xung phong lên bảng để đưa ra câu đố. GV phát cho mỗi HS này một bức tranh phong cảnh, yêu cầu các em quan sát kĩ, sau đó tìm cách mô tả cảnh quan đó bằng các hành động. + Cả lớp quan sát hành động của bạn và đoán tên cảnh quan vừa được mô tả. Bạn nào có câu trả lời đúng và nhanh nhất là bạn thắng cuộc - GV tổ chức cho HS chơi. - GV mời một số HS nêu cảm nhận của bản thân sau khi chơi - Dẫn dắt vào chủ đề: <i>Đất nước chúng ta có rất nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau khám phá các cảnh quan thiên nhiên tại địa phương</i>	- HS lắng nghe GV hướng dẫn cách chơi - HS chơi dưới sự giám sát của GV - HS nêu cảm nhận sau khi chơi
2. Hoạt động khám phá – Trải nghiệm chủ đề.	
Hoạt động 1: Thể hiện cảm xúc và niềm tự hào về cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước - GV cho HS xem phim hoặc xem một số hình ảnh về cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước. - GV giao nhiệm vụ cho HS chia sẻ theo nhóm dựa trên các câu hỏi: + Bạn có biết tên các cảnh quan? + Bạn thấy cảnh quan đó đẹp như thế nào? + Cảm xúc của bạn với những cảnh quan vừa quan sát. + Điều gì khiến bạn tự hào nhất ở những cảnh quan đó - GV mời mỗi nhóm 1 HS lên chia sẻ trước lớp.	- HS lắng nghe GV giao nhiệm vụ. - HS chia sẻ trong nhóm. - Ví dụ: Cảm xúc, niềm tự hào của bản thân trước vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên của quê hương, đất nước - Mỗi nhóm cử 1 HS lên chia sẻ trước lớp.

- GV tiếp tục giao nhiệm vụ cho HS thảo luận chung cả lớp, nêu những cách thể hiện khác nhau về cảm xúc và niềm tự hào đối với cảnh đẹp của quê hương, đất nước - Kết luận: Quê hương mình có nhiều cảnh quan thiên nhiên. Mỗi cảnh quan có vẻ đẹp khác nhau. Chúng ta hãy cùng nhau khám phá để hiểu rõ hơn về vẻ đẹp của các cảnh quan; hãy thực hiện những việc làm cần thiết để bảo vệ cảnh quan và tuyên truyền vận động mọi người bảo vệ cảnh quan thiên nhiên luôn sạch, đẹp.	- HS đọc gợi ý trong SGK trang 77 và thảo luận chung - HS lắng nghe
* Tìm hiểu về nét đặc sắc của cảnh quan thiên nhiên Việt Nam - GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm lựa chọn một cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho một vùng miền đất nước: + Vùng núi và trung du Bắc Bộ; + Đồng bằng Bắc Bộ; + Duyên hải miền Trung; + Tây Nguyên; + Nam Bộ. - Yêu cầu HS thảo luận nhóm tìm hiểu về các cảnh quan dựa trên gợi ý sau: + Vị trí của cảnh quan? + Nét đặc sắc của cảnh quan?  - GV gợi ý một số cảnh quan nổi tiếng tại Việt Nam như: Vịnh Hạ Long, cao nguyên đá Đồng Văn, rừng U Minh, bãi biển Mỹ Khê,... - GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ. - GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả lựa chọn cảnh quan và lí do. - Yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét, bổ sung. - GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả lựa chọn cảnh quan và lí do. - Yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét, bổ sung.	- HS lắng nghe GV giao nhiệm vụ. - Các nhóm góp ý bổ sung. - Hs lắng nghe - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS thảo luận nhóm, lựa chọn cảnh quan và tìm hiểu về nét đặc sắc của cảnh quan đó. - - Đại diện các nhóm trình bày: + Cảnh quan nhóm đã chọn tương ứng với mỗi vùng. + Lí do nhóm chọn cảnh quan đó. - Cả lớp lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến

- GV nhận xét và kết luận: Kết luận: <i>Mỗi một vùng miền đất nước đều có nhiều cảnh quan khác nhau. Mỗi cảnh quan có những nét đặc sắc, tiêu biểu cho mỗi vùng. Các em hãy tiếp tục tìm hiểu về nét đặc sắc của các cảnh quan đã lựa chọn.</i>	
3. Hoạt động luyện tập, thực hành.	
Hoạt động 2: Cửa sổ du lịch - GV gợi ý cho HS cách thức để tìm hiểu cảnh quan ở các vùng miền: - Nhớ lại những nơi mình hay người thân đã từng đến; hỏi chuyện người thân. - Tìm hiểu qua các phim tài liệu, các chương trình về du lịch trên TV. - Tìm hiểu qua các trang web của các cảnh quan (nếu có). - Tìm hiểu qua các sách báo sưu tầm được - GV đề nghị nhóm HS ghi nhớ và sử dụng các cách thức này để tìm hiểu thêm về các cảnh quan khác Kết luận: <i>Trên đây chỉ là những gợi ý để HS tìm hiểu. Các bạn HS có thể tiếp tục khám phá thêm nhiều địa chỉ khác để tìm kiếm thông tin</i>	- HS lắng nghe gợi ý, biết cách tìm hiểu các nét đẹp, đặc sắc của cảnh quan ở các vùng miền - HS sử dụng các cách thức khác để tìm hiểu thêm về cảnh quan ở các vùng miền
4. Vận dụng trải nghiệm.	
Tích hợp GDĐP -CD2-HY-Hoạt động du lịch ở quê hương em; CD2- Chùa Keo-TB. * Lập một kế hoạch và thực hành làm hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về một hoặc nhiều địa danh du lịch ở quê hương em.	
- GV đề nghị HS hoàn thành báo cáo tìm hiểu cảnh quan của nhóm. - GV khuyến khích HS luyện tập giới thiệu về vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên đã tìm hiểu được với những người xung quanh. - Chuẩn bị kế hoạch cho các hoạt động tiếp theo - Nhận xét, dặn dò.	- HS lắng nghe và về suy nghĩ, thảo luận với bạn bè, người thân về những vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên của đất nước - HS lắng nghe, chuẩn bị.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Giáo dục thể chất:

DẪN BÓNG THAY ĐỔI TỐC ĐỘ, DẪN BÓNG THEO ĐƯỜNG VÒNG. (Tiết 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được động tác dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng trong môn Bóng rổ.
- Bước đầu vận dụng được động tác dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng vào trong các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.
- Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.
- Hoàn thành lượng vận động của bài tập.
- Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện, tự giác, dũng cảm, thường xuyên tập luyện TDTT.

* Góp phần hình thành và phát triển.

- Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; chăm sóc SK; vận động cơ bản; thể dục thể thao;
- Phẩm chất: Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

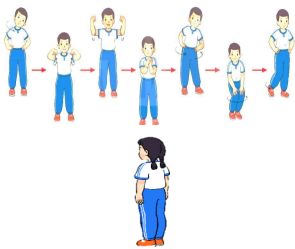
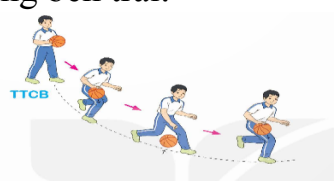
- + Đối với giáo viên: Kẻ vẽ sân tập theo nội dung của bài học. Còi, cờ, tranh ảnh, băng đĩa hình, dụng cụ luyện tập.
- + Đối với học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao, đảm bảo vệ sinh và an toàn trong tập luyện.

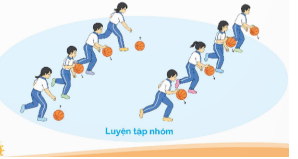
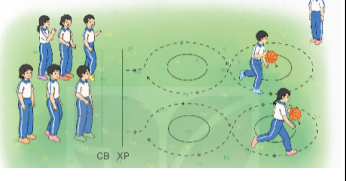
III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học chính: sử dụng lời nói, trực quan (tranh, ảnh, làm mẫu), tập luyện, trò chơi và thi đấu.
- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
		Hoạt động GV	Hoạt động HS
I. Hoạt động mở đầu	5-7'		
1. Nhận lớp: - Kiểm tra vệ sinh sân tập, trang phục tập luyện, sức khỏe của HS - Phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học		Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học	Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. - Hs lắng nghe, nắm nội dung bài học

2. Khởi động: - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... (theo nhạc) - Tập bài TDPTC với gậy (Theo nhạc)	2Lx8N 2Lx8N	- GV quan sát, nhắc học sinh tập đúng biên độ, nhịp hô.	Đội hình khởi động  - HS khởi động theo sự điều khiển của cán sự.
3. Trò chơi bổ trợ khởi động: - Trò chơi “Làm theo chỉ huy” - Kiểm tra bài cũ	2-3 lần	- GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, sau đó GV tổ chức cho cả lớp chơi. - Gọi 1-2 em học sinh lên thực hiện - GV cùng HS quan sát và nhận xét, đánh giá.	Đội hình trò chơi Trò chơi Làm theo chỉ huy  - HS chú ý nắm luật chơi, tích cực, chủ động tham gia trò chơi - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
II. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	5-7'		
1. Khám phá 2. Hình thành động tác mới: * Dẫn bóng theo đường vòng bên trái:  -TTCB: Đứng chân trước chân sau, hai tay cầm bóng trước bụng. -Động tác: Đưa bóng về tay phải, dẫn bóng lên trước, tay tiếp xúc vào nửa sau và hơi sang phải của bóng, chân và thân người hướng theo		- GV giới thiệu tên động tác. - GV làm mẫu động tác và phân tích kỹ thuật động tác. - Cho HS xem tranh, ảnh, video ... nhấn mạnh ý chính của động tác. - GV nêu những lỗi sai thường mắc và cách khắc phục cho HS khi thực hiện động tác. -GV gọi 1-2 HS lên tập, GV cùng HS quan sát, nhận xét, rút kinh nghiệm	Đội hình HS quan sát tranh, tập mẫu  - HS quan sát tranh, HS hoặc nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi. - Hs quan sát mẫu và ghi nhớ cách thực hiện. - Nêu các câu hỏi thắc mắc nếu có. -1 -2 HS lên thực hiện động tác. - GV cùng HS nhận xét, đánh

đường vòng về phía bên trái.			giáo viên tuyên dương - HS lắng nghe Luyện tập  Luyện tập cá nhân - HS chú ý, tích cực tập luyện để nắm kỹ thuật động tác
3. Trải nghiệm các động tác của bài tập		- GV gọi 3-5 HS thực hiện bài tập 1-2 lần - GV điều khiển cho HS tập	
III. Hoạt động luyện tập:	15-16'		
1. Tập theo tổ nhóm	3-4 lần	- GV giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, phân luyện tập theo khu vực. - Quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS	ĐH tập luyện theo tổ  Luyện tập nhóm - Hs thực hiện theo điều khiển của tổ trưởng. HS quan sát và nhận xét lẫn nhau, giúp đỡ bạn tập chưa tốt.
2. Tập theo cặp đôi	2-3 lần	- GV cho 2 HS thành từng cặp để tập luyện.	 Luyện tập cặp đôi + Yêu cầu: 1 HS tập, 1 HS hô và quan sát, nhận xét bạn tập... Sau đó 2 HS đổi vị trí cho nhau.
3. Thi đua giữa các tổ		- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. - GV nhận xét đánh giá tuyên dương.	- Từng tổ lên thi đua - trình diễn - Hs nhận xét tổ bạn.
4. Trò chơi vận động: * Trò chơi: “Dẫn bóng theo hình số 8 tiếp sức”	1-2 lần	- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, luật chơi. - Tổ chức cho HS chơi thử sau đó chơi chính thức, có thi đua. <i>Chú ý: GV nhắc HS đảm bảo an toàn trong khi chơi.</i>	ĐH chơi trò chơi Trò chơi Dẫn bóng theo hình số 8 tiếp sức  CB XP - Hs chơi theo hướng dẫn của Gv -HS tích cực tham gia

			chơi trò chơi vận động.
IV. Hoạt động vận dụng	4-5'		
1. Hồi tĩnh: - Thả lỏng cơ toàn thân (Theo nhạc).		- GV điều hành lớp thả lỏng cơ toàn thân	Đội hình hồi tĩnh  - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
2. Vận dụng:		- GV nêu câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống	- HS trả lời câu hỏi vận dụng vào thực tế đời sống Vận dụng: Qua bài học, HS vận dụng bài tập thể dục vào buổi sáng, để rèn luyện sức khỏe, và chơi trò chơi cùng các bạn trong giờ ra chơi.
3. Nhận xét và hướng dẫn tự tập luyện ở nhà: - Ưu điểm; Hạn chế cần khắc phục - Hướng dẫn tập luyện ở nhà		- GV nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS, đồng thời đưa ra hướng khắc phục hoặc trả lời câu hỏi của HS. - HD học sinh tập ở nhà.	- HS lắng nghe để khắc phục Đội hình kết thúc 
4. Xuống lớp			- HS đi theo hàng về lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Thứ Ba ngày 31 tháng 03 năm 2026

Tiếng Việt:

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Nắm được cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa trong cuộc sống và nội dung của từng phần trong đoạn văn.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...

- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

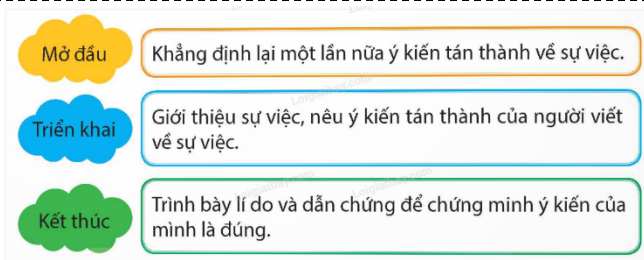
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV giới thiệu bài hát “Em yêu trường em”, sáng tác Hoàng Vân để khởi động bài học. + GV cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe bài hát “Em yêu trường em” - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát. - HS lắng nghe.
2. Khám phá.	
Bài 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu. Tìm câu trả lời cho câu hỏi 1 theo yêu cầu sau: + Bước 1: Đọc thầm đoạn văn. + Bước 2: Dựa vào đoạn văn vừa đọc, lần lượt trả lời 4 câu hỏi. HS suy nghĩ, tìm câu trả lời lần lượt cho 4 câu hỏi. - GV mời các nhóm trình bày kết quả. Câu a. Đoạn văn trên nói về sự việc gì? Người viết có ý kiến thế nào về sự việc đó? Câu b. Xác định các phần (mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn) Câu c. Chọn nội dung tương ứng với mỗi phần của đoạn văn. c. Chọn nội dung tương ứng với mỗi phần của đoạn văn.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS thảo luận nhóm Đại diện các nhóm trình bày kết quả. a. Đoạn văn nói về việc cần bảo vệ di sản của cha ông để lại. Người viết tán thành ý kiến đó. Mở đầu: Từ đầu đến rất <i>tán thành ý kiến này.</i> Triển khai: tiếp theo đến nói kết quả khứ với hiện tại. Kết thúc: <i>Câu cuối cùng của đoạn văn.</i> + Mở đầu: Giới thiệu sự việc, nêu ý kiến tán thành của người viết về sự việc. + Triển khai: Trình bày lí do và dẫn chứng để chứng minh ý kiến của mình là đúng. + Kết thúc: Khẳng định lại một lần nữa ý kiến tán thành về sự việc.



Câu d. Trong phần triển khai, người viết đã đưa ra lí do và những dẫn chứng nào để chứng minh ý kiến của mình là đúng?

- Mời cả lớp nhận xét nhận xét.
- GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết.

3. Luyện tập

Bài 2: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2
- GV mời cả lớp làm việc chung.
- GV mời HS trả lời.

- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Lí do: Di sản là tài sản quý báu của cha ông, trao truyền thế hệ này sang thế hệ khác.

+ Dẫn chứng: Tôi và bạn nhìn thấy di sản qua di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, phong tục, lễ hội,...

– Lí do: Vì sao phải giữ gìn di sản của cha ông để lại? Vì giữ gìn di sản của cha ông để lại chính là giữ gìn thành quả lao động của những thế hệ trước.

+ Dẫn chứng: Để có một công trình kiến trúc, một mái đình, ngôi chùa,... cha ông ta đã phải đổ biết bao mồ hôi, công sức lao động thậm chí cả xương máu.

+ Dẫn chứng: Biết bao khát vọng của người xưa được gửi gắm vào mỗi di sản đó.

– Lí do: Từ những di sản của cha ông, chúng ta thấy lòng yêu quê hương, đất nước, tinh thần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Dẫn chứng: Những giá trị ấy đã nối kết quá khứ với hiện tại.

- Cả lớp nhận xét nhận xét.

- HS lắng nghe.

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.

- Một số HS trả lời:

- Đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng thường có 3 phần:

+ Mở đầu: Giới thiệu sự việc, hiện tượng và nêu ý kiến tán thành của người viết.

+ Triển khai: Trình bày lí do, dẫn chứng để chứng minh ý kiến đó là đúng.

+ Kết thúc: Khẳng định lại ý kiến tán thành hoặc nêu ý nghĩa của sự việc, hiện tượng đó đối với cuộc sống.

- Đề ý kiến tán thành có sức thuyết phục, cần:

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt. <i>Đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng thường có 3 phần:</i> + <i>Mở đầu: Giới thiệu sự việc, hiện tượng và nêu ý kiến tán thành của người viết.</i> + <i>Triển khai: Trình bày lí do, dẫn chứng để chứng minh ý kiến đó là đúng.</i> + <i>Kết thúc: Khẳng định lại ý kiến tán thành hoặc nêu ý nghĩa của sự việc, hiện tượng đó đối với cuộc sống.</i> - Cho 2,3 hs nhắc lại ghi nhớ.	+ Đưa ra được các lí do giải thích chọn lọc, dễ hiểu và có liên quan trực tiếp đến việc đồng ý hay không đồng ý với sự việc, hiện tượng. + Có các dẫn chứng thuyết phục để giải thích và bảo vệ lí do mà mình đưa ra. Dẫn chứng sinh động, gần gũi dễ hiểu và cụ thể. - Hs nhắc lại.
4. Vận dụng trải nghiệm. - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: <i>Trao đổi với người thân về một chương trình truyền hình có tác động tích cực đối với học sinh.</i> - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS làm việc chung cả lớp và trình bày - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

VẬN TỐC CỦA MỘT CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh thực hiện đổi đơn vị đo vận tốc km/h ra m/s và ngược lại.
- Học sinh vận dụng được đổi đơn vị đo vận tốc, tính vận tốc của một chuyển động đều để giải quyết một số vấn đề thực tế.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: giao tiếp, tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
 - Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

- GV tổ chức trò chơi truyền điện để khởi động bài học. + Câu 1: Theo em, vận tốc là gì? + Câu 2: Nêu cách tính vận tốc. + Câu 3: Nêu các đơn vị đo vận tốc đã học. - Câu 4: Nêu các số đo vận tốc thường gặp trong cuộc sống. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới <i>Trong thực tế có nhiều đơn vị đo vận tốc. Chúng có mối liên hệ gì với nhau? Làm sao để đổi từ đơn vị km/h sang m/s bài học hôm nay cô cùng các em sẽ giải đáp những thắc mắc đó nhé!</i>	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: vận tốc là quãng đường mà chuyển động đó đi được trong 1 đơn vị thời gian. - Muốn tính vận tốc ta lấy quãng đường chia cho thời gian. $V = s : t$ - km/h, m/s - KM/h, m/s, m/phút, dặm/h, hải lí/ h.... - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành	
Bài 1. Số? - GV gọi HS đọc mẫu bài tập 1 Mẫu: $72 \text{ km/h} = ? \text{ m/s}$. $72 \text{ km/h} = (72\ 000 : 3\ 600) \text{ m/s} = 20 \text{ m/s}$. - HS thảo luận nhóm đôi để phân tích mẫu. - Yêu cầu hs nêu cách làm - Nhận xét - GV nhận xét và yêu cầu hs làm bài 1a,b vào bảng con - Nhận xét bài trên bảng, đối chiếu kiểm tra đáp án bc - GV nhận xét, tuyên dương	- HS đọc mẫu - HS thảo luận nêu cách làm - Ta đổi $72 \text{ km} = 72\ 000 \text{ m}$ $1 \text{ giờ} = 3600 \text{ giây}$ - HS làm bảng con - 1 HS lên bảng làm - HS chia sẻ cách làm - $108 \text{ km/h} = (108\ 000 : 3600) \text{ m/s} = 30 \text{ m/s}$ - $18 \text{ km/h} = 5 \text{ m/s}$
Bài 2. Chọn câu trả lời đúng. - GV gọi 1 hs đọc đề và nêu yêu cầu của bài.  Đà điểu khi cần có thể chạy được 5,25 km trong 5 phút. Tính vận tốc của đà điểu (theo đơn vị m/s)	- HS đọc yêu cầu - HS làm bài vào vở

- GV yêu cầu hs làm bài vào vở - GV chấm một số bài - GV nhận xét, tuyên dương.	Bài làm Đổi $5,25 \text{ km} = 5250\text{m}$ $5 \text{ phút} = 300 \text{ giây}$ Vận tốc của đà điều là: $5250 : 300 = 17,5 \text{ (m/s)}$ Đáp số 17.5 m/s - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
Bài 3. Lúc 6 giờ 30 phút bác Nùng đi bộ từ nhà đến bến xe và kịp lên xe buýt đi tiếp đến nơi làm việc lúc 7 giờ 45 phút. Biết quãng đường từ bến xe đến nơi làm việc là 15 km và thời gian bác Nùng đi bộ là 45 phút. Tính vận tốc của xe buýt. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV yêu cầu hs thảo luận nhóm 2 để làm bảng nhóm. - GV mời nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - HS lắng nghe suy nghĩ cách làm. - HS nêu cách làm + Tính thời gian bác Nùng đi xe buýt $7 \text{ giờ } 45 \text{ phút} - 6 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 45 \text{ phút} = 30 \text{ phút}$ + biết quãng đường từ bến xe đến nơi làm việc là 15km Bài giải Thời gian bác Nùng đi xe buýt là: $7 \text{ giờ } 45 \text{ phút} - 6 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 45 \text{ phút} = 30 \text{ phút} = 0,5 \text{ giờ}$ Vận tốc của xe buýt là: $15 : 0,5 = 30 \text{ (km/h)}$ Đáp số: 30 km/h
4. Vận dụng trải nghiệm. Bài 4. Chọn câu trả lời đúng. Biết trong 2 giờ xe màu đỏ đi được 108 km, trong 7 giây xe màu đen đi được 112 mét, trong 5 phút sẽ màu trắng đi được 4200 mét. Hỏi xe nào có vận tốc lớn nhất? A, xe màu đỏ B, xe màu đen C, xe màu trắng. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu. - GV mời HS trả lời.Nếu hs không trả lời được GV gợi ý + Tính vận tốc xe màu đỏ? + Tính vận tốc xe màu đen?	- HS đọc yêu cầu của bài - Suy nghĩ tìm cách giải - $108 : 2 = 54\text{km/h} = 15\text{m/s}$ - $112 : 7 = 16\text{m/s}$

+ Tính vận tốc xe màu trắng? - Xe nào có vận tốc lớn nhất? - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	- Đổi 5 phút = 300 giây $4200: 300 = 14\text{m/s}$ - Xe có vận tốc lớn nhất là xe màu đen 16m/s (đáp án B) - HS lắng nghe
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Lịch sử & Địa lí:

Bài 22: CÁC CHÂU LỤC VÀ ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Xác định được vị trí địa lí của các châu lục và của các đại dương, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới; nêu được một số đặc điểm tự nhiên của các châu lục.
- Khai thác lược đồ, quả Địa Cầu để tìm hiểu về các châu lục và đại dương trên thế giới; sử dụng được bảng số liệu và lược đồ để so sánh một số đặc điểm tự nhiên của các châu lục và so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về các châu lục để xác định được châu lục mà HS yêu thích và muốn khám phá nhất.
- * Góp phần hình thành và phát triển:
 - Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
 - Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm; yêu nước , yêu thiên nhiên;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho HS quan sát bản đồ thời giới và trả lời câu hỏi: + Thế giới có nhiều châu lục và đại dương. Hãy kể tên một số châu lục và đại dương mà em biết? - GV gọi HS nêu. - GV nhận xét, tuyên dương, giới thiệu và dẫn dắt vào bài mới.	- HS quan sát bản đồ. + HS suy nghĩ và thảo luận nhóm đôi nêu câu trả lời. + HS lần lượt nêu theo sự hiểu biết của bản thân.
2. Hoạt động khám phá:	

Hoạt động khám phá 1.**1. Các châu lục trên thế giới****a) Khái quát chung**

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 và đưa ra câu hỏi:



+ Kể tên và xác định vị trí địa lý của các châu lục trên bản đồ.

- GV gọi HS kể tên các châu lục.

- GV gọi HS lên bảng xác định vị trí địa lý của các châu lục trên bản đồ.

- GV gọi HS nhận xét.

- GV nhận xét, tuyên dương, nêu lại vị trí địa lý các châu lục trên bản đồ.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi đọc thông tin, quan sát bảng 1 và đưa ra câu hỏi:

BẢNG 1. DIỆN TÍCH CỦA CÁC CHÂU LỤC TRÊN THẾ GIỚI

Châu lục	Châu Á	Châu Âu	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương	Châu Nam Cực
Diện tích (triệu km ²)	44,4	10,3	30,3	42	8,5	14

+ Em quan sát bảng 1 và cho biết diện tích các châu lục trên thế giới có giống nhau không?

+ Em hãy so sánh diện tích của các châu lục trên thế giới.

- GV nhận xét tuyên dương.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu: Hệ thống lại kiến thức và luyện tập.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

- HS thực hiện theo yêu cầu.

+ HS suy nghĩ nêu câu trả lời

- HS kể tên các châu lục là châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực.

- 3 - 4 HS lên bảng xác định vị trí địa lý của các châu lục trên bản đồ.

- HS nhận xét.

- Lắng nghe, quan sát.

- HS thực hiện theo yêu cầu. Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau.

+ Các châu lục trên thế giới có diện tích không giống nhau.

+ Các châu lục có diện tích khác biệt, trong đó châu Á có diện tích lớn nhất, tiếp sau đó là châu Mỹ, châu Phi, châu Nam Cực, châu Âu, châu Đại Dương.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS thực hiện cá nhân suy nghĩ nêu câu trả lời:

+ Châu lục, đại dương nào có diện tích lớn nhất thế giới? + Châu lục, đại dương nào có diện tích nhỏ nhất thế giới? - Em hãy sắp xếp các châu lục từ nhỏ đến lớn theo diện tích biểu thị ở bảng 1. - GV nhận xét, tuyên dương.	+ Châu Á có diện tích lớn nhất có 44,4 triệu km². + Châu Đại Dương có diện tích nhỏ nhất có 8 triệu km². - Châu Đại Dương, châu Âu, châu Nam Cực, châu Phi. Châu Mỹ, châu Á. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV đưa quả địa cầu, mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng” + Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một số bạn tham gia theo lần lượt. Trong thời gian 1 phút mỗi tổ tìm trên bản đồ các châu lục và nêu được diện tích của mỗi châu lục. Tổ nào tìm đúng và nhanh nhất là thắng cuộc. + GV mời từng tổ tham gia, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả. + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- Học sinh lắng nghe luật trò chơi. + Các tổ lần lượt tham gia chơi. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

BUỔI CHIỀU:

Đạo đức:

Bài 7: PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được một số biểu hiện xâm hại.
- Biết vì sao phải phòng tránh xâm hại.
- Biết được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.
- Thực hiện được một số kỹ năng để phòng, tránh xâm hại.
- * Góp phần hình thành và phát triển :
 - Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp, hợp tác; điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân thông qua việc biết phòng tránh xâm hại cho bản thân.
 - Phẩm chất trách nhiệm: thể hiện qua việc biết quý trọng bản thân, biết phòng, tránh và chống lại các hành vi xâm hại trẻ em.
- **Phát triển năng lực số:**

4.3.CB2a: Phân biệt được các cách thức đơn giản để tránh rủi ro và đe dọa đến sức khỏe thể chất và tinh thần khi sử dụng công nghệ số.

2.5.CB2a: Phân biệt được các chuẩn mực hành vi đơn giản và bí quyết sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

Giáo viên: Đàm Thị Ngân

Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: – GV cho HS hát bài "5 ngón tay xinh" chiếu hình ảnh quy tắc 5 ngón tay.  Quy tắc “5 ngón tay xinh” nhắc nhở các em điều gì? – GV nhận xét, kết luận dẫn vào bài mới: Có nhiều cách để phòng, tránh xâm hại. Trong tiết học này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về các cách khác nhau để phòng, tránh xâm hại, bảo vệ bản thân an toàn trong cuộc sống. - Giáo viên ghi bảng	- HS hát, quan sát hình ảnh, trả lời nhanh. - HS nêu: Nhắc nhở em cách bảo vệ bản thân; phòng, tránh bị xâm hại. - HS lắng nghe
2. Hoạt động khám phá: Hoạt động 4: Tìm hiểu một số cách phòng, tránh xâm hại trẻ em. <i>Nhiệm vụ 1: Nhận diện các nguy cơ bị xâm hại</i> * Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: - GV cho HS quan sát 4 bức tranh ở mục a trong SGK/50. - GV đưa câu hỏi: <i>Em hãy nêu tình huống có nguy cơ bị xâm hại trong các bức tranh và giải thích vì sao ?</i> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trao đổi ý kiến và chia sẻ trước lớp. 	- HS làm việc cá nhân, quan sát tranh, suy nghĩ, viết câu trả lời vào nháp. - HS thảo luận nhóm đôi. - Đại diện các nhóm chia sẻ - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. + Tranh 1: bạn nữ không quen người đàn ông đó nhưng lại có ý định đi nhờ xe, có thể bị xâm hại về thể chất hoặc tình dục,... + Tranh 2: bạn nam có thể bị xâm hại vì bạn không quen người phụ nữ đó

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1 <i>Đề chủ chờ cháu về nhé!</i>  Minh không biết chủ ấy nhưng đi nhờ một đoạn chắc không sao! 2 <i>Đi theo cô nhé!</i>  Thích quá! Minh không quen cô ấy mà vẫn được tặng quà. 3 <i>Mở cửa cho chủ vào nhà nhé!</i>  Minh không biết chủ ấy. 4 <i>Trời tối rồi mà đường vắng về quá!</i>  – GV nhận xét tinh thần, thái độ, kết quả học tập của HS và Kết luận: Một số nguy cơ bị xâm hại: Tiếp xúc một mình với người lạ, đi một mình nơi tối tăm, vắng vẻ... - GV đưa câu hỏi: <i>Hãy nêu thêm các tình huống có nguy cơ bị xâm hại khác mà em biết?</i> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trao đổi ý kiến. - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, kết luận: Có nhiều nguy cơ bị xâm hại từ những người xa lạ, thậm chí từ những người quen thuộc xung quanh. Vì vậy, các em cần tỉnh táo nhận diện được những nguy cơ đó để phòng, tránh xâm hại. <i>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách phòng, tránh bị xâm hại (8 phút)</i> * Quan sát tranh và trả lời câu hỏi – GV hướng dẫn HS quan sát 4 bức tranh ở mục b trong SGK, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu cách phòng, tránh bị xâm hại trong các bức tranh?</i> - GV mời đại diện một vài nhóm trả lời câu hỏi.	nhưng lại thích thú khi được tặng quà, một người không quen biết mà tặng quà cho bạn thì phần lớn là có mục đích xấu. + Tranh 3: nếu bạn nữ mở cửa cho người đàn ông lạ vào nhà thì sẽ có nguy cơ bị xâm hại về thể chất, tình dục.... + Tranh 4: bạn nam có nguy cơ bị xâm hại nếu gặp người xấu vì bạn đi một mình ở nơi tối tăm, vắng vẻ. - HS lắng nghe - HS thảo luận nhóm 4 - Đại diện các nhóm trả lời, bổ sung ý kiến cho nhau: Một số nguy cơ bị xâm hại khác như đưa quá nhiều hình ảnh, thông tin của bản thân lên mạng xã hội; kết bạn, nói chuyện với những người không quen biết, tò mò truy cập vào những trang web có nội dung không lành mạnh; đi chơi với người mới quen trên mạng... - HS quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi, ghi kết quả vào nháp để trả lời câu hỏi. - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. + Tranh 1: việc bạn nữ từ chối không đi cùng người lạ có tác dụng phòng, tránh được những nguy cơ bị xâm hại. + Tranh 2: bạn nam đã biết từ chối nhận quà từ người phụ nữ mà bạn không quen, điều này giúp bạn tránh được những nguy cơ bị xâm hại. + Tranh 3: bạn nữ đã biết cách phòng tránh khi bạn kiên quyết không cho người lạ vào nhà vì việc ở nhà một mình mà có người lạ xin vào nhà có thể dẫn đến nguy cơ bị xâm hại.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1  2  3  4  - GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS và tuyên dương. - GV nêu yêu cầu: Hãy nêu thêm cách phòng, tránh bị xâm hại khác mà em biết ? - GV gọi HS xung phong trả lời. - GV nhận xét, tuyên dương Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu cách ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại (9 phút) - GV tổ chức cho HS quan sát 4 bức tranh ở mục c. trong SGK/52 - GV yêu cầu HS lần lượt nêu lại các tình huống trong tranh. - GV giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập nhóm: Câu 1: Em hãy nêu cách ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại trong các bức tranh trên? Câu 2: Ngoài ra, còn có cách ứng phó nào khác khi có cơ bị xâm hại?	+ Tranh 4: bạn nữ luôn đi cùng người thân những lúc phải đi bộ ở nơi vắng vẻ đã tránh được nguy cơ bị xâm hại. - HS trả lời nhanh: Những cách khác để phòng, tránh bị xâm hại: không cho người khác chạm vào vùng nhạy cảm hay có những hành động ôm ấp, vuốt ve; không chạm vào vùng nhạy cảm của người khác; không nên tò mò về cơ thể người khác để tránh bị lợi dụng dụ dỗ hay vô tình kích thích thú tính của những kẻ xấu... - HS quan sát tranh. - HS mô tả nội dung từng bức tranh - HS thảo luận nhóm đôi ghi kết quả vào phiếu học tập. - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. +Tranh 1: bạn nam thấy người đàn ông đó có vẻ nguy hiểm nên bạn đã vội vã tránh xa để tránh được nguy cơ bị xâm hại. + Tranh 2: bạn nữ đã vừa chạy vừa hô to để kêu cứu, gây sự chú ý cho mọi người để tránh bị xâm hại. + Tranh 3: bạn nữ đã chia sẻ với cô giáo, nhờ có giúp đỡ khi bị mẹ mắng vô cớ, việc làm này giúp bạn giảm thiểu việc bị xâm hại về tinh thần. + Tranh 4: bạn nữ đã cùng mẹ đến trung tâm tư vấn tâm lý khi bị các bạn cô lập, xa lánh, việc làm này giúp bạn tránh được nguy cơ bị tổn thương tâm lý. - Những cách ứng phó khác khi có nguy cơ bị xâm hại: tìm cách chạy trốn khi bị xâm hại ghi nhớ số điện thoại của cha mẹ, số điện thoại khẩn cấp để sử dụng trong trường hợp nguy hiểm; báo ngay cho người thân khi bị đe dọa;

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh		
– GV mời đại diện các nhóm chia sẻ – GV nhận xét, tuyên dương HS. – GV nhận xét, kết luận: Để phòng, tránh xâm hại, các em cần: hạn chế tiếp xúc với người lạ; khi có nguy cơ bị xâm hại, cần phản đối và tìm cách thoát ra rồi kể lại cho người thân hoặc người có trách nhiệm.	không quá tỏ ra sợ hãi, lo lắng khi bị đe dọa hoặc làm tổn thương.		
Chốt kiến thức (5 phút) - GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ, trình bày tóm tắt 4 ý cơ bản trong hoạt động Khám phá. - GV chiếu sơ đồ, chốt những ý cơ bản.			
Biểu hiện xâm hại trẻ em	Hậu quả	Quy định của pháp luật	Cách phòng, tránh xâm hại
• Xâm hại thể chất. • Xâm hại tinh thần. • Bỏ mặc, xao nhãng.	• Gây tổn hại về sức khỏe và tinh thần. • Giảm khả năng hoà nhập. • Ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em và xã hội.	• Tùy theo mức độ, tính chất và hậu quả, người xâm hại trẻ em có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. • Phòng, tránh xâm hại trẻ em là trách nhiệm của toàn xã hội.	• Phản đối quyết liệt. • Tìm cách thoát ra thật nhanh. • Kể lại với người thân hoặc người có trách nhiệm.
Độc thông điệp (1 phút) GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc và chia sẻ ý nghĩa của thông điệp. Để phòng, tránh xâm hại Em hãy nhớ điều này Nói không và bỏ chạy Kể cho người lớn ngay.			
3. Vận dụng trải nghiệm - Phát triển năng lực số: +Những rủi ro nào khi dùng Internet? +Hành vi nào văn minh – an toàn khi tương tác online? + Cách phòng tránh rủi ro số?			
* Dặn HS: Đọc và chuẩn bị các bài tập 3, 4, 5/ SGK (54, 55, 56)			

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Luyện Tiếng Việt:

LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ VÀ KẾT TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức: về đại từ, các cách liên kết câu trong đoạn văn, cách dùng từ nối....

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn kỹ năng viết bài, làm được các bài tập trong vở bài tập.	- HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: - GV cho HS lần lượt tìm hiểu nội dung từng bài tập Hoạt động2: Làm bài và chia sẻ kết quả trước lớp. - Sửa lỗi đoạn văn (nếu có). Bài 1. Gạch dưới các đại từ được dùng trong những câu ca dao sau: a) Anh Hai, anh tính đi "mô"? Tôi đi chợ Tết, mua khô cá thiêu b) Cháu ơi cháu ngủ cho lâu Mẹ cháu đi cấy đồng sâu chưa về c) Ru em, em ngủ cho rồi Chị ra buồng củi chị ngồi quay tơ. Năm nay tơ kén được mùa, Chị xin thầy mẹ mua cho mấy đồng. 2. Chọn cặp kết từ (vừa... đã..., chỉ cần... thì..., dù... (thì)..., muốn... thì...) điền vào chỗ trống phù hợp. a) ...*.....có đi đến bất cứ nơi đâu tôi vẫn sẽ không bao giờ quên được hương vị món ăn quê nhà mẹ nấu. b) cậu không bỏ cuộc nhất định cậu sẽ thực hiện được ước mơ trở thành nhà khoa học. c) bước chân đến đầu làng, tôitrông thấy những mái nhà ngói đỏ thấp thoáng, ẩn hiện sau lũy tre làng.	- HS tìm hiểu bài. - HS lần lượt làm từng bài -1 HS lên chia sẻ. Hình thức tiếp nối: Nối tiếp nhau nêu các từ đã gạch - HS khác nhận xét bổ sung - Chữa bài vào vở. - Học sinh chia sẻ kết quả trước lớp , lớp theo dõi nhận xét và bổ sung.

3. Em hãy sử dụng các cặp kết từ hoặc các cặp từ hô ứng thích hợp và viết về còn lại để tạo câu ghép. a) Hễ trời mưa to b) Em càng nỗ lực học tập c), nên Lan không thể nhận ra đường về ngôi trường cũ trước đây cô học. 4. Dựa vào bài đọc, viết đoạn văn (4 - 5 câu) về sự biến đổi của khu rừng theo thời gian, trong đó có sử dụng các từ ngữ lúc đầu, sau đó, cuối cùng. - GV gọi 1 hs nêu yêu cầu. - GV cho HS đọc kết quả. - GV nhận xét, chốt kết quả. □ <i>GV chốt tác dụng của các cách liên kết câu, từ nối....</i> 3. HĐ Vận dụng - Chia sẻ với người thân cách viết từ thay thế - GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương HS. - Nhận xét giờ học. - Dẫn chuẩn bị bài sau.	- HS nối tiếp nhau nêu câu mình đã tạo. - Lớp nhận xét, sửa chữa và bổ sung cho bạn. - Sửa lại bài theo kết quả đúng. - HS đọc và tìm hiểu bài. - Làm bài cá nhân - Chia sẻ kết quả trước lớp - Lớp nhận xét - HS thực hiện - HS chia sẻ. - Lắng nghe
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Thứ Tư ngày 01 tháng 04 năm 2026

Toán:

BÀI 60: QUẢNG ĐƯỜNG, THỜI GIAN CỦA MỘT CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU (T1) **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Tìm được quãng đường khi cho biết vận tốc và thời gian trong một chuyển động đều.
- Tìm được thời gian khi biết quãng đường và vận tốc trong một chuyển động đều.
- Giải quyết được các bài toán thực tế liên quan đến tìm quãng đường, thời gian trong một chuyển động đều.

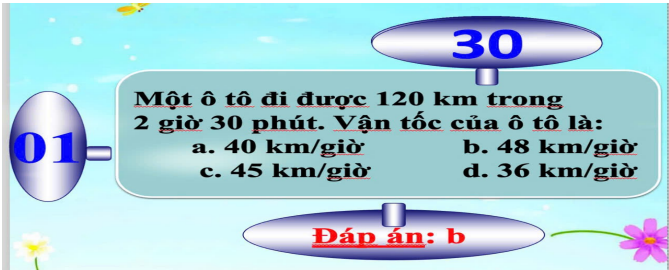
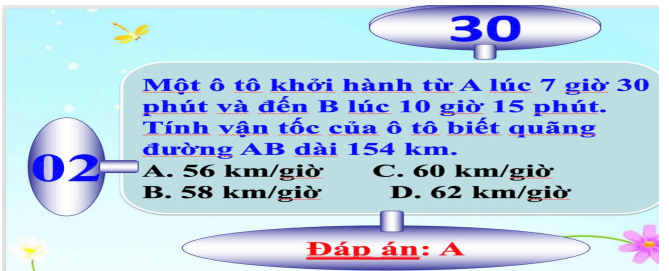
* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: giao tiếp, tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức cho hs chơi TC: Ai nhanh – ai đúng. - GV trình chiếu câu hỏi – Hs ghi đáp án bằng con. Hết 30 giây hs giơ bảng, bạn nào có đáp án đúng sẽ được 1 điểm đánh dấu (!) vào góc bảng. Câu 1: Một ô tô đi được 120 km trong 2 giờ 30 phút. Vận tốc của ô tô là: a. 40 km/giờ b. 48 km/giờ c. 45 km/giờ d. 36 km/giờ Câu 2: Một ô tô khởi hành từ A lúc 7 giờ 30 phút và đến B lúc 10 giờ 15 phút. Tính vận tốc của ô tô biết quãng đường AB dài 154 km. a. 56 km/giờ b. 60 km/giờ c. 58 km/giờ d. 62 km/giờ Câu 3: $s = 900 \text{ km}; t = 1,25 \text{ giờ}; v = ?$ a. 72 km/h b. 730 km/h c. 720,5 km/h d. 720 km/h + Muốn tính vận tốc ta làm thế nào? +Nêu công thức tính vận tốc? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.	   - 2 HS TL. Muốn tính vận tốc ta lấy quãng đường chia cho thời gian. $V = s : t$ - HS lắng nghe.
2. Khám phá. GTB: Ở tiết học trước các con đã biết được cách tính vận tốc của một chuyển động. Tiết học này cô trò mình cùng khám phá thêm 1 đơn vị kiến thức về chuyển động đều nhé qua tình huống sau: <u>GV giới thiệu tình huống</u> (vừa nói vừa trình chiếu PP): Nam, Mai và Rô-bốt	- Hs lắng nghe mắt dõi lên màn hình.

đang trên chuyên xe đi tham quan. Các bạn ấy đang nói chuyện về thời gian, vận tốc và quãng đường. GV cho HS đọc lần lượt lời thoại của Nam, Mai và Rô-bốt. GV chuyển ý, GTB: <i>Vậy các bạn cần đi bao nhiêu Km nữa để được ăn cơm? Đây chính là nội dung kiến thức mà cô trò mình cùng khám phá trong tiết học toán ngày hôm nay đây các con ạ!</i> + Bài toán trên cho ta những gì? + Bài toán hỏi gì? + 65km/h cho chúng ta biết điều gì? GV: Cho hs thảo luận nhóm 2 để giải quyết tình huống này. - GV nhận xét kết quả làm bài của các nhóm. + Dựa vào cách tìm kết quả vừa rồi, các con hãy cho cô biết: Muốn tính quãng đường khi biết vận tốc và thời gian ta làm thế nào? - Gọi 3 – 5 hs nhắc lại + Vận tốc được kí hiệu là V; thời gian được kí hiệu là T; Quãng đường kí hiệu là S. Bạn nào có thể nêu công thức tính Q? + Đó chính là quy tắc tính quãng đường; mời 1 bạn đọc lại quy tắc này trong sgk trang 78	Mời 3 hs đóng vai, nói theo lời nhân vật trong tình huống - HS lắng nghe giáo viên - Xe đi 65km/h; xe chạy 2 giờ nữa là đến địa điểm ăn cơm. - Bài toán hỏi: Quãng đường xe chạy trong 2 giờ. - Một giờ xe chạy được 65km - HS thảo luận nhóm 2 (3 phút) Đại diện 2-3 nhóm trình bày. Các nhóm khác lắng nghe và đặt câu hỏi phản biện. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - Muốn tính quãng đường khi biết vận tốc và thời gian ta lấy vận tốc nhân với thời gian - Công thức tính quãng đường: $S = v \times t$ - 3 HS ghi nhớ SGK trang 78.
Chuyển ý: Qua hoạt động vừa rồi các con đã biết được cách tính quãng đường của 1 chuyển động, để vận dụng và khắc sâu hơn nữa cô cùng các con chuyển sang phần HĐ. Ở phần HĐ này các con vận dụng kiến thức để giải quyết 3 bài tập.	
3. Hoạt động.	
3.1. Bài 1. *Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức để tính quãng đường. *Cách tiến hành: - GV yêu cầu HS đọc bài + Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì? HS làm bài cá nhân + Trong 4 giờ chiếc tàu đi được bao nhiêu m? (gọi 1 bạn lên chia sẻ)	- 1 hs đọc, lớp đọc thầm cá nhân - Quãng đường đi của chiếc tàu trong 4 giờ. Quãng đường đi của chiếc tàu trong 4 giờ là: $38,7 \times 4 = 154,8 \text{ (km)}$ Đáp số: 154.8 km Hs lớp đặt câu hỏi để phản biện: -Bạn hãy nêu cách làm của mình?

	-Bạn làm rất tốt nhưng nếu tớ trình bày như này có được không? $4 \times 38,7 = 145.8\text{km}$ - Bạn hãy nêu lại quy tắc tính quãng đường?
3.2. Bài 2 - GV yêu cầu HS đọc bài + Bài toán cho biết gì? + Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì? như thế nào? HS thảo luận nhóm đôi để giải quyết yêu cầu của bài tập này. -GV gọi 1 số nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm . - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. Bài 3: <i>Dịp nghỉ lễ, chú Luân bắt đầu lái xe máy về quê lúc 7 giờ sáng. Chú ấy về đến nhà lúc 10 giờ sáng. Hỏi quãng đường về quê dài bao nhiêu ki -lô -mét biết rằng vận tốc trung bình là 50km/h.</i> GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu. - GV mời HS trả lời. - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.	-HS đọc, lớp đọc thầm cá nhân Chú chim cất bay với $v = 109\text{m/s}$ thời gian bay: 15 giây -Chú chim cất có thể bay được hơn 1km hay không? HS thảo luận nhóm2 Nhóm trình bày: -Nhóm em sẽ tìm quãng đường ong bay trong 15 giây - Đổi quãng đường đó về km. -Kết luận theo yc của bài toán. Bài giải: Quãng đường chim cất bay trong 15 giây là: $109 \times 15 = 1635(\text{m})$ Đổi : $1635\text{m} = 1,635\text{km}$ Vậy chim cất có thể bay hơn 1km - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc cá nhân. - HS trả lời: Thời gian chú Luân đi hết quãng đường về quê là: $10 - 7 = 3 (\text{giờ})$ Quãng đường về quê của chú Luân dài là: $50 \times 3 = 150 (\text{km})$ Đáp số: 150km
4. Vận dụng trải nghiệm. GV Tổ chức lớp chơi Tc: Tia chớp. GV nêu cách thức chơi: Sau khi câu hỏi cô đưa ra, các con đọc và tìm ra được lời giải/đáp số ghi nhanh vào bảng con, nếu bạn nào có kết quả đúng, nhanh và trình bày được bài làm của mình khi có câu hỏi phản biện của lớp thì người đó sẽ thắng cuộc. Mỗi câu trả lời đúng các con sẽ được nhận 1 sao	- cả lớp lắng nghe.

vào quỹ điểm của mình. Ở trò chơi nay cô có 3 câu hỏi:

Câu 1: Một xe máy đi trong 4 giờ với vận tốc 40 km/giờ thì đi được quãng đường dài bao nhiêu ki-lô-mét?

GV gọi 1 hs đọc câu hỏi.

HS làm bài

-Hết thời gian giáo viên bấm chuông

Đáp án: 160km

GV hỏi: Con hãy nêu cách làm của mình?

Câu 2: Một người đạp xe một vòng quanh hồ với vận tốc 9 km/giờ thì hết 10 phút. Tính quãng đường mà người đó đã đi.

GV gọi 1 hs đọc câu hỏi.

HS làm bài

-Hết thời gian giáo viên bấm chuông

Đáp án: 1,5 km

GV hỏi: Con hãy trình bày bài làm của mình được không? 2- 3hs trình bày

Câu 3: Lúc 6 giờ 30 phút, bạn Dũng đi xe đạp từ A đến B với vận tốc 12km/giờ. Tính quãng đường AB biết Dũng đến B lúc 8 giờ 30 phút.

GV gọi 1 hs đọc câu hỏi.

HS làm bài

-Hết thời gian giáo viên bấm chuông

Đáp án: 24 km

GV hỏi: Con hãy trình bày bài làm của mình được không? 2- 3hs trình bày

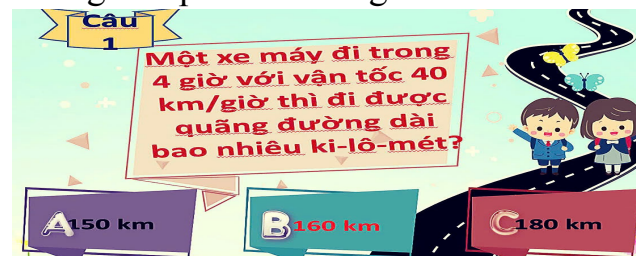
- GV nhận xét tiết học.

- Dặn dò bài về nhà.

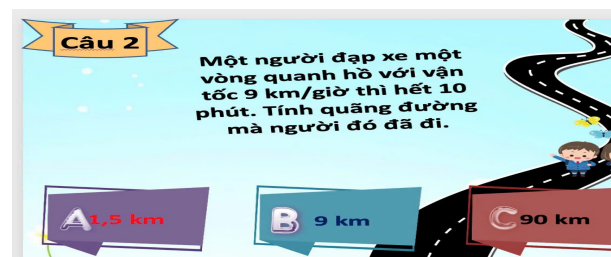
- Cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc cá nhân.

- HS ghi đáp án vào bảng:



-HS: Con lấy vận tốc nhân với thời gian:
 $40 \times 4 = 160(\text{km})$



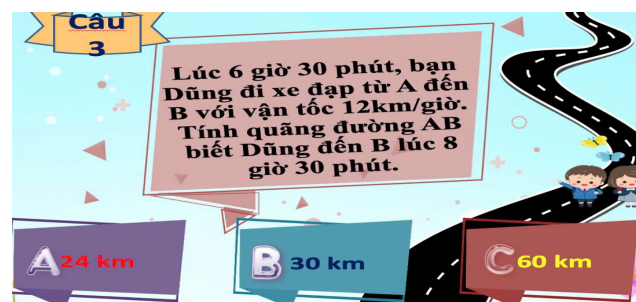
HS giờ kết quả

Cách 1: Quãng đường người đó đi là:

$$9 : 60 \times 10 = 1,5\text{km}$$

Cách 2: Quãng đường người đó đi là:

$$9 \times 10 : 60 = 1,5\text{km}$$



- Cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc cá nhân.

- HS ghi đáp án vào bảng:

- trước tiên con đi tìm thời gian đi hết quãng đường lấy 8 giờ 30 – 6 giờ 30 = 2 giờ

	Sau đó con tìm quãng đường Dũng đi: $12 \times 2 = 24 \text{ km}$
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Tiếng Việt:

ĐỌC: NGƯỜI THẦY CỦA MUÔN ĐỜI (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Đọc đúng từ ngữ câu đoạn và toàn bộ văn bản “Người thầy của muôn đời” biết đọc diễn cảm phù hợp với lời văn miêu tả tâm trạng của nhân vật. Biết ngắt, nghỉ hơi sau dấu câu.
- Đọc hiểu: Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian và địa điểm cụ thể, hiểu được suy nghĩ, cảm xúc cả nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện “Người thầy của muôn đời”: Chu Văn An là một người thầy mẫu mực của nhiều thế hệ học trò. Ông đã dạy học trò biết trân trọng và nhớ ơn những người đã dạy mình. Vì thế, ông đã được các thế hệ học trò yêu mến, kính trọng và là tấm gương để các thế hệ học trò noi theo. Ông thực sự là người thầy của muôn đời.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV hỏi học sinh :Tiêu đề bài đọc Người thầy của muôn đời gợi cho em suy nghĩ gì? ? Cho HS quan sát tranh và cho biết bức tranh vẽ gì? Nêu hiểu biết của e về thầy giáo Chu Văn An	- HS trả lời câu hỏi .



- Lắng nghe

- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.

2. Khám phá.

2.1. Luyện đọc .

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, với ngữ điệu chung: chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn:
 - + Đoạn 1: Từ đầu đến *những nhân vật nổi tiếng*.
 - + Đoạn 2: Tiếp theo đến *mang ơn sâu nặng*.
 - + Đoạn 3: Phần còn lại.
- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *đạo lý, nổi tiếng...*
- GV hướng dẫn luyện đọc câu:

Cụ đồ cao / nhưng không làm cao/ xới đất,/ mà mở trường dạy học ở quê nhà/ nhằm truyền bá đạo lý/ và đào tạo nhân tài cho đất nước../
- GV HD đọc đúng ngữ điệu: Đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.
- GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn.
- GV nhận xét tuyên dương.

- Hs lắng nghe GV đọc.

- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.

- 1 HS đọc toàn bài.

- HS quan sát và đánh dấu các đoạn.

- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- HS đọc từ khó.

- 2-3 HS đọc câu.

- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.

- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

2.2. Luyện đọc diễn cảm.

- GV đọc mẫu diễn cảm toàn bài, giọng đọc phù hợp với ngữ điệu bài đọc .
- GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm đôi một số câu thể hiện lời nói của các nhân vật.
- GV theo dõi nhận xét, tuyên dương (sửa sai)..

- HS lắng nghe GV đọc mẫu diễn cảm.

- HS nghe GV hướng dẫn cách đọc.

- HS luyện đọc nhóm đôi

2.3. Luyện đọc toàn bài.

- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai)
- GV mời HS luyện đọc threo cặp.

- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV nhận xét chung.	- HS đọc theo cặp, mỗi bạn đọc 1 đoạn cho đến hết bài. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
TIẾT 2	
3. Tìm hiểu bài.	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có) - Môn sinh (cách gọi cũ): học trò của cùng một thầy. - Áo dài thâm: áo dài màu đen. - Sập: giường gỗ, mặt liền với chân. - Cụ đồ: thầy giáo già dạy chữ Nho thời trước.	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: <i>Đoạn mở đầu bài đọc giới thiệu những gì về thầy giáo Chu Văn An?</i> + Câu 2: <i>Tìm những chi tiết cho thấy các môn sinh rất kính trọng cụ giáo Chu?</i> + Câu 3: <i>Hình ảnh cụ giáo Chu dẫn theo các môn sinh tới thăm người thầy dạy võ lòng của cụ nói lên điều gì?</i>	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: + Chu Văn An là một nhà giáo nổi tiếng đời Trần. Cụ đồ cao nhưng không làm quan mà mở trường dạy học ở quê nhằm truyền bá đạo lí và đào tạo nhân tài cho đất nước. Trường của cụ rất đông học trò và nhiều người đã trở thành những nhân vật nổi tiếng. + Ngay từ sáng sớm, các môn sinh đã tề tựu trước sân nhà cụ giáo Chu để mừng thọ thầy; Họ dâng biếu cụ những cuốn sách quý do chính họ sưu tầm và chép lại; Họ dạ ran khi cụ giáo Chu mời họ cùng tới thăm một người mà cụ mang ơn sâu nặng; Họ kính cẩn đi theo sau cụ. + Hình ảnh cụ giáo Chu dẫn theo các môn sinh tới thăm người thầy dạy võ lòng của cụ nói lên: cụ Chu cũng là người rất tôn sư trọng đạo. Giống như những môn sinh đến thăm mình, cụ Chu cũng muốn đến thăm người thầy của chính mình. Cụ hiểu để có

+ Câu 4: Những hành động nào thể hiện tình cảm của cụ giáo Chu đối với người thầy của mình? + Câu 5: Em học được điều gì từ câu chuyện trên? - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. Chu Văn An là một người thầy mẫu mực của nhiều thế hệ học trò. Ông đã dạy học trò biết trân trọng và nhớ ơn những người đã dạy mình. Vì thế, ông đã được các thế hệ học trò yêu mến, kính trọng và là tấm gương để các thế hệ học trò noi theo. Ông thực sự là người thầy của muôn đời.	được bản thân của hiện tại, dạy dỗ và mang đến thành công cho nhiều người trở thành người thầy đã dạy cho cụ ngày xưa. Cụ luôn biết ơn và ghi nhớ vì vậy cụ mong muốn các môn sinh của mình cũng biết và tôn trọng người thầy vỡ lòng của cụ. + Những hành động thể hiện tình cảm của cụ giáo Chu đối với người thầy của mình là: chắp tay cung kính vái và nói to; khi cụ nặng tai không nghe rõ thì thầy Chu nói lại thật to câu nói vừa rồi một lần nữa. + Em học được truyền thống tôn sư trọng đạo từ câu chuyện trên. - 3 - 4 HS nhắc lại nội dung bài học.
3.3. Luyện đọc lại. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc (3 em, mỗi em đọc 1 đoạn), đọc nối tiếp diễn cảm bài đọc. - GV mời HS nhận xét nhóm đọc. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS luyện đọc lại diễn cảm theo nhóm 3. - HS nhận xét cách đọc diễn cảm của các nhóm
4. Luyện tập theo văn bản đọc.	
Bài 1. Tìm các câu ghép trong đoạn văn sau: (1) Các môn sinh đồng thanh dạ ran. (2) Thế là thầy đi trước, trò theo sau. (3) Các anh có tuổi đi ngay sau thầy, người ít tuổi hơn nhường bước, mấy chú tóc để trái đào đi sau cùng. (4) Cụ dẫn học trò đi về cuối làng, đến một ngôi nhà tranh đơn sơ nhưng sáng sủa, ấm cúng. - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Mời HS làm việc cá nhân. . - GV mời HS nhận xét nhóm đọc	- 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập. - HS làm bài cá nhân vào vở và trình bày trước lớp. Các câu ghép: - (2) Thế là thầy đi trước, trò theo sau. - (3) Các anh có tuổi đi ngay sau thầy, người ít tuổi hơn nhường

- GV nhận xét, tuyên dương.	bước, mấy chú tóc để trái đào đi sau cùng.
Bài 2. Xác định các vế câu trong những câu ghép tìm được ở bài tập 1 và cho biết chúng được nối với nhau bằng cách nào. - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Mời HS làm việc nhóm đôi vào phiếu học tập và trình bày trước lớp. - Câu (2) có 2 vế: Th ế là thầy đi trước,/ trò theo sau. - Hai vế được nối với nhau bằng dấu phẩy. - Câu (3) có 3 vế: Các anh có tuổi đi ngay sau thầy,/ người ít tuổi hơn nhường bước,/ mấy chú để trái đào đi sau cùng. - Các vế được nối với nhau bằng dấu phẩy. - GV mời HS nhận xét các nhóm. - GV nhận xét, tuyên dương. Bài 3. Đặt một câu ghép nói về tình cảm của em đối với thầy cô giáo. - Gv cho hs làm cá nhân. - Gv cho hs đọc nối tiếp câu mình vừa đặt. - Nhận xét, đánh giá	- 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập. - HS làm việc nhóm đôi. - HS nhận xét các nhóm. - HS lắng nghe, sửa chữa. - Hs làm cá nhân. - Hs đọc, lắng nghe
5. Vận dụng trải nghiệm. - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu một số câu ca dao, tục ngữ về tình thầy trò. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS suy nghĩ cá nhân và nêu một HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

.....

Thứ Năm ngày 02 tháng 04 năm 2026

Tiếng Việt:

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Biết tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, một hiện tượng.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

Giáo viên: Đàm Thị Ngân

Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng đã học ở tiết trước. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới	- 1 HS nhắc lại cách - HS lắng nghe.
2. Khám phá.	
Chọn 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1: Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc lập Câu lạc bộ Đọc sách. Đề 2: Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc phát triển hoạt động thể dục, thể thao trong nhà trường. - GV mời HS đọc - GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kỹ 2 đoạn văn và trả lời: 1. Chuẩn bị. - Chọn sự việc, hiện tượng mà em muốn nêu ý kiến tán thành. - Tìm kiếm thông tin có liên quan đến sự việc, hiện tượng mà em muốn nêu ý kiến. - GV mời đại diện các nhóm trình bày. - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương	- 2 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời: - Đại diện các nhóm trình bày kết quả. - Cả lớp nhận xét nhận xét. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
3. Luyện tập.	
2. Tìm ý Mở đầu: Giới thiệu sự việc, hiện tượng mà em muốn nêu ý kiến tán thành. Nêu rõ ý kiến tán thành của em. Triển khai: - Trình bày những lí do khiến em tán thành sự việc, hiện tượng được nói tới (ví dụ: những tác động tích cực hoặc ý nghĩa của sự việc, hiện tượng.... đối với cộng đồng). - Lựa chọn những dẫn chứng để chứng minh ý kiến của em là đúng. Kết thúc: Khẳng định lại ý kiến của em (ví dụ: nhắc lại ý kiến tán thành) hoặc nêu ý nghĩa của sự việc, hiện tượng đối với bản thân và cộng đồng.	- 1 HS đọc yêu cầu 2. Cả lớp lắng nghe. - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả: Mở đầu: Trường em sắp thành lập Câu lạc bộ Đọc sách, em hoàn toàn tán thành với kế hoạch này. Triển khai: + Lí do thứ nhất vì các bạn học sinh hiện nay không có thói quen đọc sách nhiều. Các bạn trong lớp của em hầu như đều nói, thời gian rảnh sẽ dành cho xem tivi, điện thoại và chơi trò chơi điện tử. Hầu

- GV mời cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và đưa ra kí kiến của mình. - GV mời đại diện các nhóm trình bày. - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai). - GV mời HS đọc ghi nhớ.	nếu các bạn không hứng thú với việc cầm một cuốn sách để đọc và nghiền ngẫm. + Lí do thứ hai vì tri thức trong sách có rất nhiều, con người phải đọc sách thì mới có thể học và biết thêm được. Đó cũng là lí do vì sao nên mua sách xuất bản thay vì sách in, sách trên mạng. Các thông tin xuất bản được chứng thực và đảm bảo tính đúng đắn hơn là các nội dung trôi nổi trên in-tơ-nét. Đọc kiến thức đúng giúp con người hiểu đúng, biết nhiều hơn. + Lí do thứ ba vì từ đọc sách, sẽ có thêm nhiều câu chuyện, nhiều chủ đề thảo luận, nói chuyện cho các bạn học sinh. Thay vì các chủ đề phiếm, những nội dung dù vui nhưng không lịch sự, thiếu văn hoá vẫn dễ lan truyền trong cộng đồng người trẻ tuổi – sách sẽ mang lại nhiều nội dung để chia sẻ, lan toả cho nhau ý nghĩa hơn. Kết thúc: Em thấy việc thành lập Câu lạc bộ Đọc sách là hợp lí, mang lại nhiều chuyển biến tích cực cho học sinh trong trường. Hi vọng câu lạc bộ Đọc sách sẽ sớm được thành lập trong thời gian gần đây.
3. Góp ý và chỉnh sửa. – Việc lựa chọn lí do và dẫn chứng có phù hợp không? – Các ý có được sắp xếp hợp lí không?	- HS lắng nghe
4. Vận dụng trải nghiệm. - GV nêu câu hỏi: Trình bày những lợi ích của việc đọc sách và nêu các lí do e tán thành với việc đó. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe - HS tham gia . - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

QUẢNG ĐƯỜNG, THỜI GIAN CỦA MỘT CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS tìm được thời gian khi cho biết vận tốc và quãng đường trong một chuyển động đều.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: giao tiếp, tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...

- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

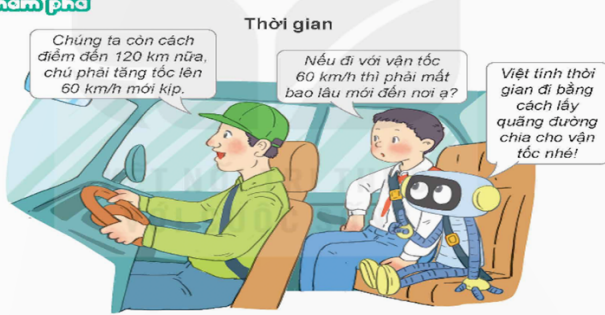
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1 : Một người đi xe máy được quãng đường 92km hết 2 giờ. Tính vận tốc của người đi xe máy.? + Câu 2 : Một tàu hỏa đi được quãng đường 97,5km hết 1 giờ 30 phút. Tính vận tốc của tàu hỏa đó. + Câu 3: Quy đồng mẫu số 2 phân số sau: + Câu 3 : Một ô tô đi trong <u>3 giờ</u> với vận tốc <u>54km/giờ</u>. Tính <u>quãng đường</u> đi được của ô tô. + Câu 4 : Muốn tính quãng đường, ta làm thế nào? + Câu 5 : Muốn tính vận tốc, ta làm thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: 46km/giờ. + Trả lời: 65km/giờ. + Trả lời: 162km/giờ + Trả lời: Muốn tính quãng đường, ta lấy vận tốc nhân với thời gian. (s là quãng đường; v là vận tốc; t là thời gian) + Trả lời: Muốn tính vận tốc, ta lấy quãng đường chia cho thời gian. $v = s : t$ (v là vận tốc; s là quãng đường; t là thời gian) - HS lắng nghe.
2. Khám phá:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống:

Nhóm phó  Chúng ta còn cách điểm đến 120 km nữa, chú phải tăng tốc lên 60 km/h mới kịp. Thời gian Nếu đi với vận tốc 60 km/h thì phải mất bao lâu mới đến nơi ă? Việt tính thời gian đi bằng cách lấy quãng đường chia cho vận tốc nhé! + Quãng đường mà bác Tài, Việt, Rôboots còn phải đi là bao nhiêu km? + Vận tốc của xe ô tô là bao nhiêu? + Dựa vào gợi ý của Rô bốt, các con hãy TL nhóm 2 tìm thời gian đi ô tô đi hết quãng đường? + GV gọi 1 số nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm . - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. + Nêu cách tính thời gian khi biết quãng đường và vận tốc? + Nêu cô thức tính thời gian? +GV nhận xét, chốt quy tắc: Muốn tìm thời gian, ta lấy quãng đường chia cho vận tốc. (t là thời gian; s là quãng đường; v là vận tốc) + GV gọi 3-4 hs nhắc lại	+ Quãng đường mà bác Tài, Việt, Rô bốt còn phải đi là 120 km + Vận tốc của xe ô tô là 60km/h. + HS TL nhóm 2: Nhóm trình bày: $120 : 60 = 2(\text{giờ})$ + Muốn tính thời gian của 1 chuyển động ta lấy quãng đường chia cho vận tốc. + $t = s : v$ + Hs nhắc lại
--	---

3. Hoạt động

Bài 1.

1. Số ?

Sau trận lũ quét, thầy Nam đi bộ trở lại điểm trường cách nơi xuất phát 9 km. Do đường đi nhiều đồi núi nên thầy chỉ đi được với vận tốc 1,5 km/h. Thời gian trở lại điểm trường của thầy Nam là ? giờ.



- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc cá nhân: Vận dụng công thức tính thời gian để tìm đáp án của bài
- GV mời học sinh cáo kết quả.
- Mời lớp nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc cá nhân: thực hiện tìm thời gian của Nam đến điểm trường ở bài tập 1: Thời gian trở lại điểm trường của Nam là $9 : 1,5 = 6$ (giờ)
- Học sinh báo cáo kết quả.
- Các bạn trong lớp khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

Bài 2. Một vận động viên khuyết tật trượt tuyết với vận tốc 24m/s. Hỏi vận động viên đó hoàn thành quãng đường 600m trong thời gian bao lâu?

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV cùng HS tóm tắt bài toán.

- GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở.
- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

Bài 3:

3 Chọn câu trả lời đúng.

Một chiếc thuyền xuôi dòng từ thành phố A đi đến thành phố B cách 75 km với vận tốc 30 km/h. Sau đó thuyền ngược dòng từ thành phố B trở về thành phố A với vận tốc 25 km/h. Thời gian về dài hơn thời gian đi là:

A. 0,5 giờ B. 1 giờ C. 1,5 giờ

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc nhóm 4: Tìm thời gian của thuyền đi xuôi dòng, thời gian của thuyền đi ngược dòng để tìm ra kết quả bài tập 3.

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi
- HS tóm tắt bài toán:
- + Vận tốc: 24m/s
- + Quãng đường: 600m
- + Thời gian đi hết quãng đường:
- GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở.

Giải:

Thời gian vận động viên đó hoàn thành quãng đường đua là:

$$600 : 24 = 25 \text{ (giây)}$$

Đáp số 25 giây

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc nhóm 4: Tìm thời gian của thuyền đi xuôi dòng, thời gian của thuyền đi ngược dòng trong bài tập 3:

Thời gian thuyền đi xuôi dòng từ thành phố A đến thành phố B là:

$$75 : 30 = 2,5 \text{ (giờ)}$$

Thời gian thuyền đi ngược dòng từ thành phố A đến thành phố B là:

$$75 : 25 = 3 \text{ (giờ)}$$

Thời gian về dài hơn thời gian đi là

$$3 - 2,5 = 0,5 \text{ (giờ)}$$

+ Đáp án: A

- Các nhóm báo cáo kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

4. Vận dụng trải nghiệm.

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.

- HS lắng nghe trò chơi.
- Các nhóm lắng nghe luật chơi.

- Cách chơi: GV đưa câu hỏi, hs tính và ghi kết quả nhanh vào bảng. Bạn nào có kết quả đúng, nhanh bạn đó thắng cuộc V. Thời gian chơi từ 2-3 phút.

Câu 1:

01 **30**

01 **Muốn tính thời gian ta làm thế nào?**

A. Lấy quãng đường nhân cho vận tốc.
B. Lấy quãng đường chia cho vận tốc.
C. Lấy quãng đường trừ cho vận tốc.

Đáp án: B

Câu 2:

02 **30**

02 **Công thức tính thời gian là:**

A. $t = s : v$
B. $t = s \times v$
C. $t = s - v$

CÂU 3

Câu 3: Tính thời gian rồi viết vào ô trống:

A 9,1 giờ
B. 19 giờ
C 9 giờ

v	9 km/giờ
s	81 km
t	

Câu 4

Trên cùng một quãng đường dài 180 km, ba phương tiện tham gia giao thông: Xe ô tô đi với vận tốc 60km/h, xe máy đi với vận tốc 40 km/h, xe đạp đi với vận tốc 12 km/h. Hãy nối các phương tiện tương ứng với số thời gian đi hết quãng đường.

15 giờ
3 giờ
4,5 giờ

- GV tổ chức trò chơi.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

+CÂU 1:B

Câu 2: A

Câu 3:C

Câu 4:

- Ô tô – 3 giờ
 - Xe máy – 4,5 giờ
 - Xe đạp – 15 giờ
 - HS tham gia chơi.
- Các nhóm rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Công nghệ:

Bài 8: MÔ HÌNH MÁY PHÁT ĐIỆN GIÓ (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được cách lắp máy phát điện gió.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...

- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm; yêu nước, yêu thiên nhiên;...

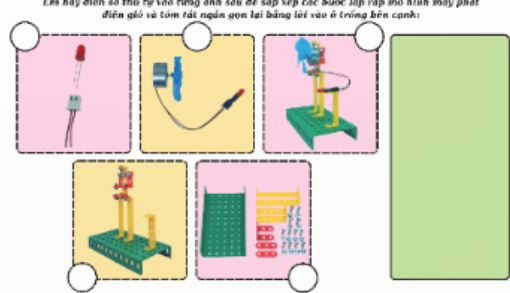
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV yêu cầu HS chơi trò chơi “Ai nhanh và đúng hơn” chọn chi tiết và nêu tên gọi và chọn các chi tiết, dụng cụ lắp ghép mô hình năng lượng điện gió + GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động theo nhóm chọn và nêu tên gọi các dụng cụ, chi tiết lắp mô hình máy phát điện gió. - GV mời một số nhóm trình bày - GV nhận xét, trao thưởng cho nhóm thắng cuộc và dẫn dắt vào bài mới: Để biết các bạn tìm hiểu cách dùng và lắp mô hình như thế nào đúng không. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Mô hình máy phát điện gió tiết 3 Lắp ghép mô hình máy phát điện gió”.	- Cả lớp hoạt động nhóm - HS1: nêu tên gọi các bộ phận? - HS2: nêu tên và số lượng các chi tiết? - HS trả lời: + cánh quạt máy phát điện dây, trụ -khung giá đỡ, bóng đèn hay thiết bị dùng điện. + tấm lớn, tấm chữ L 7 lỗ, 2 cổ, cle, tua vít, quạt, máy phát điện, dây, bóng đèn led - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động khám phá . - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong hình 4,5,6- trang 41,42,43 và cho biết tên và cách lắp các bộ phận của mô hình máy phát điện gió rồi điền phiếu	- HS quan sát tranh thảo luận và điền phiếu .

Họ và tên: _____ Ngày tháng: _____ PHIẾU HỌC TẬP BÀI 8: MÔ HÌNH MÁY PHÁT ĐIỆN GIÓ (TIẾT 3) <i>Em hãy điền số thứ tự vào từng ảnh sau để sắp xếp các bước lắp ráp mô hình máy phát điện gió và tìm tài liệu nguồn gọn lại bằng lời vào ô trống bên cạnh:</i>  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV nhận xét, thống nhất đáp án, tuyên dương.	- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận: 1. Chọn các chi tiết 2. Lắp khung trụ đỡ 3. lắp quạt ,mô tơ và dây dẫn đèn led 4, Ghép đèn và quạt lên khung trụ giá đỡ ở bước 2
3. Hoạt động luyện tập. Hoạt động trò chơi: “Ai nhanh và đúng hơn” - GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động nhóm , Gvtheo dõi hỗ trợ - nếu cần + Nêu các bước lắp ghép và thực hiện lắp ghép theo các bước? - GV mời đại diện các nhóm thực hành lắp ghép, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: <i>Các con rất giỏi đã chọn và lắp ghép được mô hình máy phát điện gió.</i>	- HS lắng nghe nhiệm vụ để chuẩn bị thực hiện. - Các nhóm thảo luận và tiến hành lắp ghép - Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - GV cho học sinh quan sát mô hình của nhóm mình - GVmời HS chia sẻ về một số ứng dụng vận dụng gió đem lại lợi ích cho cuộc sống từ mô hình vừa lắp ráp. - Liên hệ thử tưởng tượng mô hình tạo máy phát điện gió lắp ghép cần có những yêu cầu gì... */Tìm hiểu học hỏi và vận dụng sử dụng nhiều từ nguồn năng lượng gió để bảo vệ môi trường	- Học sinh tham gia chia sẻ về một số vận dụng gió vào đời sống của gia đình em ở nhà, hoặc em biết, giải thích lợi ích của việc làm đó trước lớp. + Vận dụng sức gió để chạy tạo điện thắp sáng hạt chạy quạt khi mất điện, tiết kiệm được tiền của lại bảo vệ không làm ô nhiễm môi trường - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- GV nhận xét tuyên dương.
- Nhận xét sau tiết dạy.
- Dẫn dò về nhà chuẩn bị tiết 4 lắp ghép tạo mô hình máy phát điện gió và đánh giá sản phẩm .

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Lịch sử & Địa lí:

Bài 22: CÁC CHÂU LỤC VÀ ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Xác định được vị trí địa lí của các châu lục và của các đại dương, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới; nêu được một số đặc điểm tự nhiên của các châu lục.
- Khai thác lược đồ, quả Địa Cầu để tìm hiểu về các châu lục và đại dương trên thế giới; sử dụng được bảng số liệu và lược đồ để so sánh một số đặc điểm tự nhiên của các châu lục và so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về các châu lục để xác định được châu lục mà HS yêu thích và muốn khám phá nhất.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm; yêu nước , yêu thiên nhiên;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "ô cửa bí mật" - Cách chơi: Mỗi ô cửa bí mật có một câu hỏi sau khi trả lời được các câu hỏi sẽ hiện ra một mảnh ghép hình ảnh, câu cuối sẽ đoán hình ảnh hiện ra. + Câu 1. Hãy kể tên các châu lục, các đại dương trên thế giới mà em biết?	- HS tham gia chơi. + Châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực.

- + Câu 2. Châu lục, đại dương nào có diện tích lớn nhất thế giới?
- + Câu 3. Châu lục, đại dương nào có diện tích nhỏ nhất thế giới?
- + Câu 4. Hình ảnh trên bảng là châu lục, đại dương nào?



- GV nhận xét, tuyên dương, dẫn dắt vào bài mới.

- + Châu Á có diện tích lớn nhất có 44,4 triệu km².
- + Châu Đại Dương có diện tích nhỏ nhất có 8 triệu km².
- + Châu Á, châu Âu

- Lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

Hoạt động khám phá 1.

1. Các châu lục trên thế giới

b) Đặc điểm tự nhiên

*** Châu Á**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi đọc thông tin trang 94, sử dụng quả Địa Cầu và quan sát hình 2 và thực hiện theo yêu cầu:



Hình 2. Một phần dãy Hi-ma-lay-a ở Nê-pan (Nepal)

- + Kể tên và xác định vị trí của một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của châu Á trên quả Địa Cầu.
- + Nêu một số đặc điểm tự nhiên nổi bật của châu Á.
- GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận theo các câu hỏi sau:
- + Em hãy nêu đặc điểm địa hình của châu Á?

- HS thảo luận nhóm đôi thực hiện theo yêu cầu.

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- + Châu Á có địa hình đa dạng gồm: Núi, cao nguyên: chiếm 3/4 diện tích

+ Châu Á có khí hậu như thế nào?

+ Kể tên các sông, hồ thuộc châu Á?

+ Thiên nhiên châu Á ra làm sao?

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV yêu cầu HS đọc mục em có biết. Cho biết châu Á có đặc điểm gì nổi bật.

- GV nhận xét, tuyên dương.

* Châu Âu

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trang 95, sử dụng quả Địa Cầu và quan sát hình 3, hình 4 và thực hiện theo yêu cầu:



▲ Hình 3. Sông Đa-nuyp đoạn chảy qua Đức



▲ Hình 4. Một phần dãy An-pơ (Alps) ở Thụy Sĩ

+ Em hãy nêu đặc điểm địa hình của châu Âu?

+ Châu Âu có khí hậu như thế nào?

+ Kể tên và xác định vị trí các sông, hồ thuộc châu Âu?

- GV nhận xét, tuyên dương.

châu lục; Các đồng bằng châu thổ rộng lớn

+ Châu Á có đủ các đới khí hậu: xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, hàn đới.

+ Châu Á có hệ thống sông lớn: Hoàng Hà, Trường Giang, Ân - Hằng, Mê Công,...; có các hồ lớn: Ca-xpi, Bai-can, A-ran,...

+ Thiên nhiên châu Á rất đa dạng.

- HS nhận xét bổ sung nếu có.

- HS đọc mục em có biết và trả lời câu hỏi:

Châu Á có Đỉnh Ê-vơ-rét (Everert) có độ cao 8848m thuộc dãy Hi-ma-lay-a là đỉnh núi cao nhất thế giới. Hồ Bai-can là hồ sâu nhất thế giới. Hồ chứa khoảng 20% tổng lượng nước ngọt không đóng băng trên thế giới.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm

- HS đọc thông tin đôi lần lượt nêu câu trả lời

+ Đồng bằng ở Châu Âu chiếm 23 diện tích lãnh thổ và kéo dài từ tây sang đông. Đồi núi chiếm 1/3 diện tích lãnh thổ, hệ thống núi cao tập trung ở phía nam.

+ Châu Âu chủ yếu có khí hậu ôn đới.

	+ Kể tên và lên bảng xác định vị trí các con sông thuộc châu Âu. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.
3. Hoạt động luyện tập.	
- GV yêu cầu HS lên bảng xác định vị trí châu Á, châu Âu trên lược đồ. - Em hãy chỉ dãy Hi-ma-lay-a ở trên lược đồ và nêu đặc điểm của đỉnh núi? - Sông Đa - nuyép chảy qua đâu? Em hãy xác định vị trí lên lược đồ?	- 3 - 4 HS lên bảng thực hiện. - HS xác định và nêu đặc điểm nổi bật của đỉnh núi là cao nhất thế giới. - Sông Đa - nuyép chảy qua Đức, HS lên bảng chỉ vị trí của sông Đa - nuyép.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV cho HS tham gia trò chơi “Nhanh như chớp” + Luật chơi: chơi theo tổ, trong thời gian 5 phút dựa vào hình ảnh trong SGK và các thông tin đã học mỗi tổ thực hiện mô tả cảnh đẹp thuộc châu Á hoặc châu Âu Tổ nào đúng và hay, nhanh nhất là thắng cuộc. + GV mời từng tổ tham gia, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả. + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- Học sinh lắng nghe luật trò chơi. + Các tổ thực hiện mô tả theo sự hiểu biết qua bài học - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Giáo dục thể chất:

DẪN BÓNG THAY ĐỔI TỐC ĐỘ, DẪN BÓNG THEO ĐƯỜNG VÒNG. (T6)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được động tác dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng trong môn Bóng rổ.
- Bước đầu vận dụng được động tác dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng vào trong các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.
- Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.
- Hoàn thành lượng vận động của bài tập.

- Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện, tự giác, dũng cảm, thường xuyên tập luyện TDTT.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; chăm sóc SK; vận động cơ bản thể dục thể thao;...

- Phẩm chất: Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

+ Đối với giáo viên: Kẻ vẽ sân tập theo nội dung của bài học. Còi, cờ, tranh ảnh, băng đĩa hình, dụng cụ luyện tập.

+ Đối với học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao, đảm bảo vệ sinh và an toàn trong tập luyện.

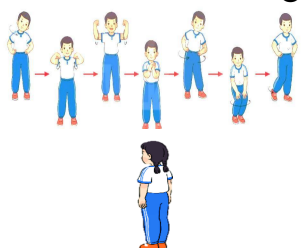
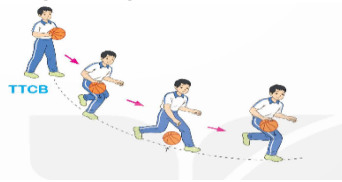
III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

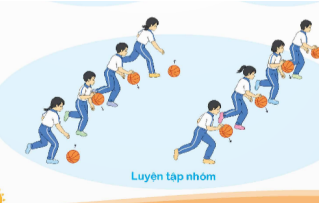
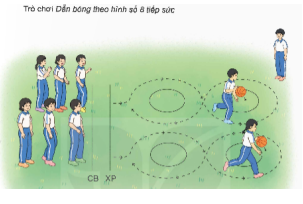
- Phương pháp dạy học chính: sử dụng lời nói, trực quan (tranh, ảnh, làm mẫu), tập luyện, trò chơi và thi đấu.

- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
		Hoạt động GV	Hoạt động HS
I. Hoạt động mở đầu	5-7'		
1. Nhận lớp: - Kiểm tra vệ sinh sân tập, trang phục tập luyện, sức khỏe của HS - Phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học		Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học	Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. - Hs lắng nghe, nắm nội dung bài học

2. Khởi động: - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... (theo nhạc) - Tập bài TDPTC với gậy (Theo nhạc)	2Lx8 N 2Lx8 N	- GV quan sát, nhắc học sinh tập đúng biên độ, nhịp hô.	Đội hình khởi động  - HS khởi động theo sự điều khiển của cán sự.
3. Trò chơi bổ trợ khởi động: - Trò chơi “Làm theo chỉ huy” - Kiểm tra bài cũ	2-3 lần	- GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, sau đó GV tổ chức cho cả lớp chơi. - Gọi 1-2 em học sinh lên thực hiện - GV cùng HS quan sát và nhận xét, đánh giá.	Đội hình trò chơi Trò chơi Làm theo chỉ huy  - HS chú ý nắm luật chơi, tích cực, chủ động tham gia trò chơi - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
II. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	5-7'		
1. Khám phá 2. Hình thành động tác mới: * Ôn Dẫn bóng theo đường vòng bên trái:  -TTCB: Đứng chân trước chân sau, hai tay cầm bóng trước bụng. -Động tác: Đưa bóng về tay phải, dẫn bóng lên trước, tay tiếp xúc vào nửa sau và hơi sang phải của bóng, chân và thân người hướng theo đường vòng về phía bên trái.		- GV nêu những lỗi sai thường mắc và cách khắc phục cho HS khi thực hiện động tác.	 - HS lắng nghe

3. Trải nghiệm các động tác của bài tập		- GV gọi 3-5 HS thực hiện bài tập 1-2 lần - GV điều khiển cho HS tập	Luyện tập  - HS chú ý, tích cực tập luyện để nắm kỹ thuật động tác
III. Hoạt động luyện tập:	15-16'		
1. Tập theo tổ nhóm	3-4 lần	- GV giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, phân luyện tập theo khu vực. - Quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS	ĐH tập luyện theo tổ  - Hs thực hiện theo điều khiển của tổ trưởng. HS quan sát và nhận xét lẫn nhau, giúp đỡ bạn tập chưa tốt.
2. Tập theo cặp đôi	2-3 lần	- GV cho 2 HS thành từng cặp để tập luyện.	 + Yêu cầu: 1 HS tập, 1 HS hô và quan sát, nhận xét bạn tập... Sau đó 2 HS đổi vị trí cho nhau.
3. Thi đua giữa các tổ		- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. - GV nhận xét đánh giá tuyên dương.	- Từng tổ lên thi đua - trình diễn - Hs nhận xét tổ bạn.
4. Trò chơi vận động: * Trò chơi: “Dẫn bóng theo hình số 8 tiếp sức”	1-2 lần	- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, luật chơi. - Tổ chức cho HS chơi thử sau đó chơi chính thức, có thi đua.	ĐH chơi trò chơi  - Hs chơi theo hướng dẫn của Gv - HS tích cực tham gia chơi trò chơi vận động.

		<i>Chú ý: GV nhắc HS đảm bảo an toàn trong khi chơi.</i>	
IV. Hoạt động vận dụng 1. Hồi tĩnh: - Thả lỏng cơ toàn thân (Theo nhạc).	4-5'	- GV điều hành lớp thả lỏng cơ toàn thân	Đội hình hồi tĩnh  - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
2. Vận dụng:		- GV nêu câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống	- HS trả lời câu hỏi vận dụng vào thực tế đời sống Vận dụng: Qua bài học, HS vận dụng bài tập thể dục vào buổi sáng, để rèn luyện sức khỏe, và chơi trò chơi cùng các bạn trong giờ ra chơi.
3. Nhận xét và hướng dẫn tự tập luyện ở nhà: - Ưu điểm; Hạn chế cần khắc phục - Hướng dẫn tập luyện ở nhà		- GV nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS, đồng thời đưa ra hướng khắc phục hoặc trả lời câu hỏi của HS. - HD học sinh tập ở nhà.	- HS lắng nghe để khắc phục Đội hình kết thúc 
4. Xuống lớp			- HS đi theo hàng về lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Khoa học:

BÀI 26: PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận diện được những sự việc, tình huống (điều khó nói, bí mật) an toàn hoặc tiềm ẩn nguy cơ không an toàn.

- Lập được danh sách những người đáng tin cậy để được giúp đỡ khi cần.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp, hợp tác

- Phẩm chất: chăm chỉ; trung thực, trách nhiệm;...

- **Phát triển năng lực số:**

5.3.CB2.a.Phân biệt được các

cách đơn giản để tránh các nguy cơ về sức khỏe và các mối đe dọa đối với sức khỏe thể chất và tinh thần khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số.

5.3.CB2.b.Lựa chọn được những cách đơn giản để bảo vệ bản thân khỏi những nguy hiểm có thể xảy ra trong môi trường kỹ thuật số.

5.3.CB2.a.Giải thích các cách thức được xác định rõ ràng và thường xuyên để làm thế nào để tránh các mối nguy hiểm về sức khỏe và các mối đe dọa đối với sức khỏe thể chất và tâm lý khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số.

5.3.CB2.b. Lựa chọn các cách thường xuyên và được xác định rõ ràng để bảo vệ bản thân khỏi những nguy hiểm trong môi trường kỹ thuật số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	
- Cho hs hát bài “ Năm ngón tay xinh” - Gợi ý các câu hỏi để dẫn dắt vào bài: + Mỗi ngón tay trong bài hát đại diện cho những ai? + Những ai khi ở gần em cảm thấy an toàn ? - Giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: <i>Trong cuộc sống hàng ngày, mỗi người đều có bí mật , có những bí mật chúng ta thấy vui vẻ, thú vị. Các em có thể chia sẻ hoặc không cần chia sẻ với ai nhưng cũng có bí mật làm cho chúng ta cảm thấy lo lắng, sợ hãi, khó chịu. Thì nhất thiết cần “bật mí” để chia sẻ với những người tin cậy tiết học hôm nay sẽ giúp các em tìm hiểu những bí mật nào cần chia sẻ và chia sẻ với ai.</i>	- Ngón cái là những người thân; ngón trỏ là thầy cô, bạn bè; ngón giữa là hàng xóm, bạn của bố mẹ.... - Những người khi gần em cảm thấy an toàn là: Bố mẹ, ông bà nội ngoại, anh chị em ruột... - Hs lắng nghe
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động khám phá 1: Bí mật an toàn, bí mật tiềm ẩn nguy cơ không an toàn. - GV Yêu cầu học sinh làm việc cặp đôi quan sát kỹ nội , bối cảnh trong	- Hs thảo luận theo cặp

từng hình từ hình 9 đến hình 12. Sắp xếp vào 2 cột theo : bí mật có thể giữ kín hoặc bí mật cần được chia sẻ.

- Tổ chức cho học sinh chia sẻ trước lớp.

Và giải thích lí do.



- Giáo viên nhận xét , cung cấp thêm thông tin:

+ Trẻ em có quyền giữ bí mật cá nhân nhưng bí mật đó phải vì lợi ích tốt nhất của trẻ.

+Cha mẹ hoặc người giám hộ cần được cung cấp thông tin trong việc ra quyết định liên quan đến trẻ để bảo vệ trẻ.

Vì vậy, việc dụ dỗ, khuyến khích trẻ vị thành niên tham gia bất kỳ hoạt động nào mà không có sự thông báo và đồng ý của cha mẹ hoặc người giám hộ là vi phạm pháp luật. Khi gặp những tình huống có nguy cơ bị xâm hại ai là người các em tin tưởng để chia sẻ lo lắng và bảo vệ an toàn cho các em thì chúng ta chuyển sang tìm hiểu phần tiếp theo.

Hoạt động khám phá 2. Xác định người tin cậy để được giúp đỡ khi cần thiết.

- Đại diện cặp trình bày:

Bí mật có thể giữ kín	Bí mật cần được chia sẻ
Hình 9	Hình 10,11,12

+ Hình 9: Bí mật về cảm xúc của mình của bạn như: việc ai hâm mộ ai đó hoặc ai đó hâm mộ mình hoặc biết bí mật tương tự của người khác. Những cảm xúc đó cần được trân trọng và có thể giữ kín.

+ Hình 10: Bí mật về nguy cơ bị sàm sỡ, đụng chạm thân thể như người thanh niên có ý định lại gần khi không được sự cho phép, có ý định động chạm vào bạn nữ, tỏ ý coi thường sự phản đối của bạn nữ là tình huống không an toàn, có nguy cơ bị xâm hại thân thể. Tình huống này không được giữ kín cần phải được chia sẻ với người lớn tin cậy.

+ Hình 11 và 12: Yêu cầu trẻ em tuổi vị thành niên (giữ bí mật, không nói cho người khác) là những yêu cầu không đúng đắn. Một người bạn hay kể cả người lớn tuổi lôi kéo bạn nhỏ tham gia một hoạt động mà đưa ra yêu cầu không cho bố mẹ biết là việc không bình thường. Vì vậy bạn không được giữ kín mà cần chia sẻ với người lớn tin cậy. Bạn nhỏ chưa đủ tuổi tự quyết định vấn đề liên quan bản thân cần có sự đồng ý của bố mẹ...

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm theo nội dung: Những thành viên nào trong gia đình, ở trường học là người luôn sẵn sàng giúp đỡ bảo vệ an toàn của em, trong đó ai là người mà em có thể chia sẻ bí mật của mình?

Địa điểm	Người giúp đỡ bảo vệ		
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Gia đình			
Trường	...	...	...

- Trong số những thành viên đã nêu của nhóm mình, ai là người mà em có thể chia sẻ những bí mật của mình?
- GV khen ngợi kết quả làm việc của hs đã tìm ra được những người đáng tin cậy của các em và những người đó sẽ luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các em.

- HS hoạt động nhóm ghi nội dung vào thẻ gắn bảng có nội dung bên.

- Đại diện nhóm trình bày

Địa điểm	Người giúp đỡ bảo vệ		
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Gia đình	Mẹ, bố, anh chị em ruột	Ông bà ngoại, nội. cô, dì, chú bác ruột của bố mẹ..	Cơ quan bảo vệ trẻ em. Sdt 111
Trường	Thầy cô chủ nhiệm. Tổng phụ trách	Thầy cô trong trường. các bạn trong lớp.	Bác bảo vệ, các bạn lớp khác

- Học sinh nêu ý kiến cá nhân về người mình tin cậy để chia sẻ bí mật trong số những người đã liệt kê.

3. Hoạt động luyện tập

- Phát triển năng lực số: Tìm kiếm sự giúp đỡ từ người thân, bạn bè, thầy cô hoặc các cơ quan khi có nguy cơ bị xâm hại, tham khảo trên mạng cách chống đối với kẻ xâm hại để bảo vệ bản thân.

- Yêu cầu học sinh nêu những người có thể chia sẻ ở các tình huống từ 9 đến 12.

- Ghi các ý kiến của học sinh.

- Yc hs quan sát hình 10



Nếu em là bạn gái trong tình huống trên :

- Hs trả lời cá nhân theo từng hình
Hs liệt kê một số người như:
+ Hình 9: Bố, mẹ, anh chị ruột, bạn ..
+ Hình 10: Bố, mẹ, ông bà nội, ông bà ngoại, cơ quan bảo vệ trẻ em..
Hình 11: Bố, mẹ, ông, bà....

- Hs trả lời:

+ Khi em chia sẻ với mẹ về cảm nhận thấy không an toàn, thậm chí có thể bị xâm hại nhưng mẹ bỏ qua vì cho rằng em đang tưởng tượng. Em sẽ ứng xử như thế nào? hoặc em sẽ tiếp tục chia sẻ với ai? Vì sao? - Khi tìm kiếm sự giúp đỡ, em có thể chia sẻ với người thứ nhất nếu họ vì lý do nào đó chưa giúp em giải quyết vấn đề của mình. Em cần chia sẻ với người tin cậy thứ 2, người tin cậy thứ 3 cho đến khi vấn đề của em được giải quyết. Em cảm thấy hoàn toàn an toàn bởi vì xung quanh em có nhiều người luôn sẵn sàng giúp đỡ bảo vệ sự an toàn của em.	+ Em kể lại với mẹ lần nữa , nói về sự lo lắng của mình. Mẹ sẽ hiểu và giúp em. +Em sẽ kể với bố....
4. Vận dụng trải nghiệm. - Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, lập bản danh sách người đáng tin cậy hoặc vẽ bản tay tin cậy và viết lên hình vẽ. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Luyện Toán:

LUYỆN TẬP VỀ QUẢNG ĐƯỜNG, VẬN TỐC, THỜI GIAN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Củng cố giải toán liên quan tính vận tốc ,quãng đường
- Nhận biết được giải toán liên quan đến vận tốc, quãng đường, thời gian

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động:(3-5') - GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ: - GV Nhận xét, tuyên dương. 2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.	- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa) - HS lắng nghe. - Hs làm bài

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: Bài 1. Trong 1 phút 30 giây, một vận động viên chạy được quãng đường 801 m. Tính vận tốc của vận động viên đó (theo đơn vị m/s). ? Bài yêu cầu gì? GV yêu cầu HS nêu trước lớp - Để làm được bài này em thực hiện như thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. □ Củng cố: cách tính vận tốc biết quãng đường và thời gian Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm. a) 54 km/h =m/s b) 126 km/h =m/s ? Bài yêu cầu gì? - Nhìn đọc cách làm, tính kết quả GV yêu cầu HS nêu trước lớp - Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau. - Để làm được bài này em thực hiện như thế nào? - GV chấm 1 số bài, Nhận xét, tuyên dương. □ Củng cố: cách tính vận tốc Bài 3: Một chiếc xe đua chạy 53 vòng đua hết 100 phút. Biết 1 vòng đua dài 5,82 km. Tính vận tốc của chiếc xe đua đó (theo đơn vị km/h). ? Bài yêu cầu gì? GV yêu cầu HS nêu các bước tìm cách đổi đơn vị vận tốc	- Hs trả lời thứ tự thực hiện tính, làm vở - HS đọc trước lớp. Học sinh đổi vở soát nhận xét - HS đọc thầm, nêu yêu cầu đề, giải thích cách tìm kết quả - HS làm bài vào vở, đổi vở soát chia sẻ trước lớp - HS đọc đề, nêu cách giải tính và trình bày - 1HS thực hiện trước lớp,lớp làm vào vởđổi vở soát, nhận xét.
---	--

[illegible]

Thứ Sáu ngày 03 tháng 04 năm 2026

Tiếng Việt:

ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Đọc sách báo viết về một danh nhân của Việt Nam, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về những suy nghĩ, cảm xúc về danh nhân trong cuốn sách đã học.
 - Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.
- * Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...

- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

- **Phát triển năng lực số:**

1.1.CB2.a. Xác định được nhu cầu thông tin cần tìm của mình.

1.1.CB2.b. Tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua cách tìm kiếm đơn giản trong môi trường kỹ thuật số.

1.1.CB2.c. Biết cách truy cập dữ liệu, thông tin, nội dung và điều hướng giữa chúng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: HS tìm hiểu và đọc sách, báo viết về các danh nhân của quê hương, đất nước

+ HS biết chọn lọc câu chuyện từ các trang web chính thống.

+ Hs thông qua thiết bị số tìm kiếm các câu chuyện, bài báo, bài thơ theo yêu cầu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho học sinh xem 1 video về danh nhân Việt Nam và dẫn dắt vào bài.	- HS Lắng nghe và cùng trao đổi về nội dung bài . - HS lắng nghe.
2. Khám phá.	
1: Đọc sách báo về một danh nhân của Việt Nam và viết phiếu đọc sách theo mẫu. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu mở rộng và giải thích thêm: Danh nhân là người nổi tiếng, có danh tiếng, được xã hội trân trọng. GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động 1 vào phiếu : 2.Trao đổi Trao đổi những suy nghĩ, cảm xúc của em về danh nhân mà em đọc trong sách báo - Gv HS Làm việc nhóm, từng em nói về những điều mình muốn chia sẻ với bạn. VD: + Tên tuổi danh nhân, thời đại họ sống,... + Sự việc đáng nhớ, sự việc gây xúc động,... + Những đóng góp, cống hiến của danh nhân,...	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc thầm yêu cầu; đọc thầm gợi ý trong SGK. + Đọc sách báo viết về một danh nhân của Việt Nam. Xem gợi ý trong SGK về những cuốn sách viết về danh nhân để đọc và chia sẻ sách báo cho nhau. + Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SGK (có thể viết thêm những thông tin khác tùy theo nội dung sách báo đã đọc). Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin mà các bạn chia sẻ. - Hs trao đổi

+ Suy nghĩ, cảm xúc của mình về cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân. 3. Dựa vào những ghi chép trong phiếu đọc sách, trao đổi với bạn những suy nghĩ, cảm xúc của em về danh nhân trong sách báo mà em đã đọc. - GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS đọc nhiều sách, chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.	- Bác Hồ là tấm gương mẫu mực về sự giản dị và khiêm tốn, luôn gần gũi với nông dân. Tuy là Chủ tịch nước nhưng Bác sống rất giản dị, không kiêu căng mà rất gần gũi, thân thiện với mọi tầng lớp nhân dân. Sự thân thiện của Bác làm cho mọi người thấy tự nhiên và thoải mái, Bác như người cha, người chú, người anh của nhân dân ta. Từ đó, mỗi người cần học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.
3. Vận dụng trải nghiệm. - GV Viết 3 – 5 câu giới thiệu về một danh nhân trong sách báo mà em đã đọc (có thể sử dụng tranh ảnh, hình vẽ,... để trang trí). Chia sẻ với người thân những thông tin về danh nhân trong bài giới thiệu của em. - GV lưu ý HS khi kể: <i>Kể phải rõ ràng, rành mạch, đúng và đầy đủ các sự việc chính trong câu chuyện.</i> - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe nhiệm vụ về nhà. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta có rất nhiều anh hùng được sử sách ghi danh, một trong số đó là lãnh tụ Hồ Chí Minh. Người mà được toàn thể nhân dân Việt Nam kính trọng gọi bằng Bác Hồ. Bác là người lãnh đạo nhân dân ta làm cuộc Cách mạng tháng 8, lập lên nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Tiếp đó, Bác lại lãnh đạo hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành thắng lợi hoàn toàn thống nhất đất nước. Bác được UNESCO phong tặng danh hiệu " Anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa thế giới." Cả cuộc đời Bác là một tấm gương sáng về đạo đức cách mạng và lối sống giản dị của Bác để cho nhân dân noi theo. Nhờ có sự lãnh đạo của Bác mà Việt Nam đang là thuộc địa của thực dân Pháp nay đã thành một nước độc lập. Để biết ơn Bác, em nguyện ngoan ngoãn chăm học làm theo 5 điều Bác Hồ dạy. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

QUẢNG ĐƯỜNG, THỜI GIAN CỦA MỘT CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU (T3)**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Biết được cách tính quãng đường, thời gian của một chuyển động đều.
- Vận dụng được cách tính quãng đường, thời gian để giải các bài toán của chuyển động đều, thực hành tính quãng đường, thời gian theo các đơn vị đo khác nhau.

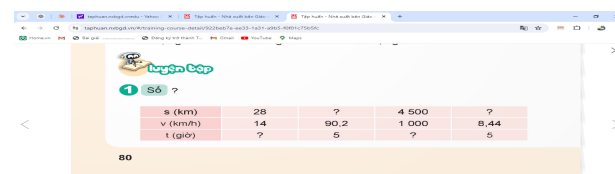
* Góp phần hình thành và phát triển:

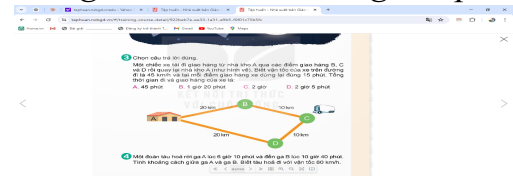
- Năng lực: giao tiếp, tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên		Hoạt động của học sinh																
1. Khởi động:																		
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, Ai đúng” để khởi động bài học. Câu 1: Công thức nào sau đây dùng để tính quãng đường? A. $v = s : t$ B. $s = v \times t$ C. $t = s : v$ D. $V = t \times s$ Câu 2: Công thức nào sau đây để tính thời gian? A. $v = s : t$ B. $s = v \times t$ C. $t = s : v$ D. $v = t \times s$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới: <i>Chúng ta đã biết cách tính quãng đường và thời gian như thế nào. Vậy để củng cố cách tính quãng đường và thời gian cô và các bạn cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay.</i>		- HS tham gia chơi trò chơi Câu 1: B Câu 2: C - HS nhận xét. - HS lắng nghe.																
2. Hoạt động thực hành																		
Bài 1. Số?  - GV mời HS đọc yêu cầu bài tập - GV yêu cầu HS phân tích bài tập - GV mời HS làm việc nhóm 4 - Gv mời HS chia sẻ kết quả. - GV mời HD nhận xét bài nhóm bạn		- HS đọc yêu cầu bài. - HS phân tích bài. - HS làm việc nhóm 4 - HS chia sẻ kết quả bài tập <table><tr><td>s(km)</td><td>28</td><td>451</td><td>4 500</td><td>42,2</td></tr><tr><td>v(km/h)</td><td>14</td><td>90,2</td><td>1 000</td><td>8,44</td></tr><tr><td>t(giờ)</td><td>2</td><td>5</td><td>4,5</td><td>5</td></tr></table>		s(km)	28	451	4 500	42,2	v(km/h)	14	90,2	1 000	8,44	t(giờ)	2	5	4,5	5
s(km)	28	451	4 500	42,2														
v(km/h)	14	90,2	1 000	8,44														
t(giờ)	2	5	4,5	5														

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) Bài 2. - GV mời HS đọc yêu cầu bài tập - GV yêu cầu HS phân tích bài tập ? Bài toán cho biết gì? ? Bài toán yêu cầu tìm gì? ? Muốn tính được quãng đường ta làm như thế nào? - GV mời HS làm việc cá nhân - GV mời HS chia sẻ kết quả. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS nhận xét bài nhóm bạn, bổ sung - HS đọc yêu cầu bài. - HS phân tích bài. + Bài toán cho biết vận tốc của tàu thám hiểm là 30 000 km/ giờ, và thời gian bay là 14 giờ. + Bài toán yêu cầu chúng ta tính quãng đường bay - Ta lấy vận tốc nhân với thời gian. - HS làm việc cá nhân. - HS chia sẻ bài mình. <i>Bài giải</i> Quãng đường bay của con tàu là: $30\,000 \times 14 = 420\,000 \text{ (km)}$ <i>Đáp số:</i> 420 000 km. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
Bài 3. Chọn câu trả lời đúng Một chiếc xe tải đi giao hàng từ nhà kho A qua các điểm giao hàng B, C và D rồi quya lại nhà kho A(như hình vẽ). Biết vận tốc của xe trên đường đi là 45 km/h và tại mỗi điểm giao hàng xe dừng lại đúng 15 phút. Tổng thời gian đi và giao hàng của xe là: A. 45 phút B. 1 giờ 20 phút C. 2 giờ D. 2 giờ 5 phút.  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV giải thích cách làm. - GV mời lớp làm việc cặp đôi, thực hiện theo yêu cầu. - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 4. Vận dụng trải nghiệm.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - HS lắng nghe cách làm. - Lớp làm việc cặp đôi, thực hiện theo yêu cầu. - Đại diện các nhóm trình bày. <i>Đáp án : D</i> - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

Bài 4. Một đoàn tàu hỏa rời ga A lúc 6 giờ 10 phút và đến ga B lúc 10 giờ 40 phút. Tính khoảng cách giữa ga A và ga B. Biết tàu hỏa đi với vận tốc 80 km/h?

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu.

- GV mời HS trả lời.
- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc cá nhân.

Bài giải

Thời gian đoàn tàu hỏa đi từ ga A đến ga B là:

$$10 \text{ giờ } 40 \text{ phút} - 6 \text{ giờ } 10 \text{ phút} = 4 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 4,5 \text{ giờ}$$

$$\text{Khoảng cách giữa ga A và ga B là: } 80 \times 4,5 = 360 \text{ (km)}$$

Đáp số: 360 km.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm:

SINH HOẠT LỚP:

VIỆT NAM TRONG MẮT EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS giới thiệu được cảnh quan thiên nhiên mình đã tìm hiểu.
- Làm được một sản phẩm tạo hình cảnh quan thiên nhiên
- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ HỌC LIỆU

- GV và HS chuẩn bị các tấm bìa các-tông, bìa màu, bút màu,...
- Các đồ dùng dạy học, thiết bị có liên quan,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho học sinh xem bài hát “Quê hương tươi đẹp”, sáng tác của Anh Hoàng https://youtu.be/_nJjWZA-oI?si=z-CjM39XPjyow0KL - GV đặt câu hỏi để trao đổi, dẫn dắt HS vào bài học. + Bài hát đã nhắc đến những cảnh nào đẹp trên đất nước?	- HS quan sát và lắng nghe bài hát. - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát. + HS trả lời: đồng lúa, núi rừng, mùa xuân, lời ca,....

- GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS lắng nghe.
2. Sinh hoạt cuối tuần:	
* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ) - GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung. - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tùy vào kết quả trong tuần) * Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ) - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý. - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - 1 HS nêu lại nội dung. - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giờ tay.
3. Sinh hoạt chủ đề. *Tích hợp GDĐP: /?/ Giới một địa điểm du lịch ở địa phương em (Hưng Yên hoặc Thái Bình) mà em biết theo gợi ý: + Tên địa điểm. + Những danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa – lịch sử của điểm du lịch. + Hoạt động du lịch thường diễn ra nhiều nhất vào thời điểm nào trong năm:	

+ Cở sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch

+ Ẩm thực đặc trưng, quà lưu niệm.

+ ...

Hoạt động 3: Việt Nam trong mắt em

* Giới thiệu cảnh quan thiên nhiên

- GV yêu cầu đại diện các nhóm HS lên giới thiệu về cảnh quan thiên nhiên đã tìm hiểu.

- Kết luận: GV tổng kết nội dung những cảnh quan được giới thiệu và cùng cả lớp bình chọn màn giới thiệu ấn tượng và cảnh quan được cả lớp yêu thích nhất.

* Thiết kế sản phẩm tạo hình cảnh quan thiên nhiên

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, lựa chọn một cảnh quan thiên nhiên mà các thành viên trong nhóm đều yêu thích để tạo sản phẩm giới thiệu cảnh quan

- GV hướng dẫn HS thảo luận để lên ý tưởng cho sản phẩm của nhóm mình:

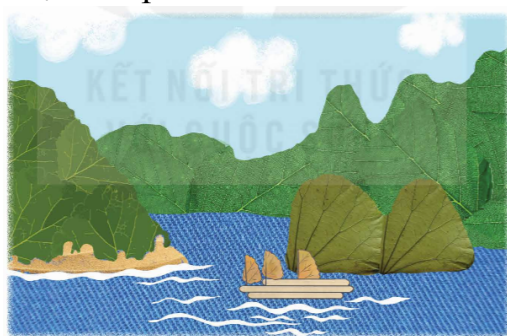
+ Cần thể hiện nét độc đáo nào của cảnh quan?

+ Cách thức thể hiện?

+ Tên sản phẩm?

- GV mời các nhóm trưng bày trước lớp theo các vị trí đã được phân công.

- GV mời cả lớp đi một vòng, quan sát các sản phẩm và đưa ra ý kiến giúp các nhóm hoàn thiện sản phẩm



Vịnh Hạ Long

Kết luận: Các em đã có những sản phẩm phong phú. Mỗi sản phẩm đều mô tả được nét đẹp đặc trưng của cảnh quan trong sản phẩm của nhóm mình. Hãy tiếp tục hoàn thiện sản phẩm của nhóm mình

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Đại diện các nhóm HS lần lượt lên giới thiệu về cảnh quan thiên nhiên mà nhóm đã tìm hiểu.

- HS các nhóm còn lại lắng nghe, đóng góp ý kiến.

- Các nhóm HS thảo luận, lựa chọn cảnh quan để tạo sản phẩm giới thiệu

- HS thảo luận để lên ý tưởng cho sản phẩm.

- HS các nhóm thực hiện tạo hình cảnh quan theo ý tưởng đã thống nhất.

- Các nhóm trưng bày sản phẩm theo vị trí đã được phân công trong lớp.

- Cả lớp đi xem các sản phẩm và góp ý kiến.

- HS các nhóm ghi chép các góp ý của thầy cô và các bạn trong lớp về sản phẩm

- Lắng nghe

(Tích hợp GDĐP): + Đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về một số hoạt động và loại hình hoặc địa điểm du lịch đã tìm hiểu.	
- GV yêu cầu HS hoàn thiện sản phẩm để tham gia triển lãm “Việt Nam quê hương em” của trường vào tuần tới - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe, tiếp tục hoàn thiện chuẩn bị bài sau. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

.....

Ký duyệt:**Giáo viên thực hiện:**